



BEPHARCO

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Năm 2019

Signature Not Verified

Được ký bởi NGUYỄN THỊ CẤP TIỀN
Ngày ký: 24.04.2020 13:13

**CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM
BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 372/20/CBTT-DBT
Về việc CBTT báo cáo
thường niên năm 2019

TP. Bến Tre, ngày 24 tháng 4 năm 2020

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
2. Mã chứng khoán: DBT
3. Địa chỉ trụ sở chính: 6A3, quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
4. Văn phòng đại diện tại TPHCM: số 11, đường Nguyễn Trọng Quyền, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, TP HCM.
5. Điện thoại: 028 3622 0205.
6. Người được ủy quyền công bố thông tin: Bà Nguyễn Thị Cấp Tiên.
7. Nội dung của thông tin công bố:

Báo cáo thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty
TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: TK HĐQT.



PHẠM THỨ TRIỆU

ĐỊNH NGHĨA

BCTC	Báo cáo tài chính
Bepharco	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre
Biopharco	Công ty Cổ phần Vắc Xin và Sinh phẩm Nha Trang
BKTNB	Ban kiểm toán nội bộ
BTGD	Ban Tổng Giám đốc
Codupha	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Công ty	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre
CP	Cổ phiếu, cổ phần
CTCP	Công ty cổ phần
DBT	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng Cổ đông Công ty
DT	Doanh thu
DTT	Doanh thu thuần
ETC	Kênh bán hàng qua bệnh viện và các cơ sở y tế
HĐKD	Hoạt động kinh doanh
HĐQT	Hội đồng Quản trị
HNX	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
LNST	Lợi nhuận sau thuế
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
OTC	Kênh bán hàng qua nhà thuốc, quầy thuốc
VNR	Công ty Việt Nam Report
Ypharco	Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái

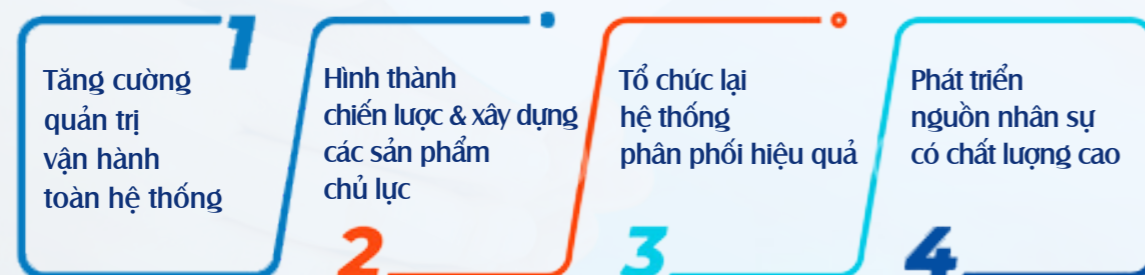
MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	3
1. Thông tin khái quát	6
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	12
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	14
4. Định hướng phát triển	20
5. Các rủi ro	22
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	26
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	28
2. Tổ chức và nhân sự	29
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án	36
4. Tình hình tài chính và các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	38
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	41
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội	42
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	44
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019	46
2. Tình hình tài chính	47
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	48
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	49
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	50
1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các hoạt động của Công ty và hoạt động của Ban Tổng Giám đốc	52
2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị	52
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	54
1. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	56
2. Hoạt động của Hội đồng quản trị	56
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	60
- Đường link đăng tải toàn văn Báo cáo tài chính của Công ty mẹ	60
- Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2019.	62

THÔNG ĐIỆP CỦA BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY

Kính thưa Quý vị,

Năm 2019 là năm đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre (Bepharco) giai đoạn 2019-2023. Với quyết tâm cao từ Hội đồng Quản trị đến Ban điều hành và các đơn vị trực thuộc, Bepharco đã đồng lòng tiếp tục thực hiện tái cấu trúc toàn bộ hệ thống để có được nền tảng phát triển bền vững hơn:



Với triết lý
THUỐC TỐT – SỨC KHỎE TỐT,

Bepharco tiếp tục theo đuổi mục tiêu đưa thuốc tốt tới mọi miền tổ quốc với chi phí tốt nhất và giá thành hợp lý. Tiêu chuẩn chất lượng của thuốc được Công ty đặt lên hàng đầu và đảm bảo đây là mục tiêu cao nhất của Bepharco và mang Bepharco tới nhiều gia đình hơn. Bên cạnh các sản phẩm mà Công ty phân phối độc quyền cho các hãng dược nổi tiếng của Châu Âu, Công ty đang tiếp tục gia tăng đầu tư cho việc phát triển các sản phẩm trong hệ thống, bao gồm các nhóm sản phẩm từ đông dược của Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái đã được thị trường đánh giá cao, đến hóa dược và vắc xin, sinh phẩm có uy tín lâu năm của Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang.

Từ năm 2019 cho tới nay, Bepharco liên tục thực hiện tái cấu trúc hệ thống để đảm bảo có thêm các chi nhánh ở các thành phố lớn, đẩy mạnh công tác bán hàng, đưa doanh thu tăng trưởng ít nhất 20% và đưa doanh thu kênh OTC hướng đến tỷ lệ 60% trên tổng doanh thu trong nhiệm kỳ này. Hệ thống phân phối đa kênh đang có được tốc độ tăng trưởng tốt và vận hành nhịp nhàng. Công ty sẽ tiếp tục đánh giá để kiện toàn hệ thống này.



Trong năm qua và các năm tới, Bepharco đặc biệt chú trọng công tác đào tạo nhân sự, chuyên môn hóa từng lĩnh vực, nhất là khâu phát triển sản phẩm và phát triển hệ thống phân phối. Với sự nỗ lực phấn đấu không ngừng của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và toàn thể CBCNV, chúng ta hãy vững tin rằng Bepharco sẽ không ngừng phát triển, hoàn thành tốt mọi chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng Cổ đông đã đề ra.

Thay mặt Hội đồng Quản trị Bepharco, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến tất cả Quý cổ đông, Quý khách hàng, Quý đối tác, Quý nhà đầu tư cùng toàn thể CBCNV Bepharco đã luôn đồng hành, tin tưởng và ủng hộ Bepharco trong suốt thời gian qua.

TỔNG GIÁM ĐỐC

PHẠM THỦ TRIỆU

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



LÊ VĂN MINH



BEPHARCO



1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Tên viết tắt: **BEPHARCO**

Tên Tiếng Anh: **Ben Tre Pharmaceutical Joint – Stock Company**

Mã cổ phiếu: **DBT**

Vốn điều lệ: **135.288.140.000 đồng**

Vốn chủ sở hữu: **237.864.148.438 đồng**

Trụ sở chính: **Số 6A3, Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre**

VP điều hành: **Số 11 Nguyễn Trọng Quyền, P Tân Thới Hòa, Q Tân Phú, TPHCM**

Điện thoại: **(028) 3622 0205 - Fax: (028) 3961 0613**

Email: **bepharco.vietnam@bepharco.com**

Website: **www.bepharco.com**

Đăng ký DN: **Số 1300382591 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp lần đầu ngày 05/07/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 01/10/2019**



THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
4. Định hướng phát triển
5. Các rủi ro

1.1. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Năm 1976

Công ty Dược phẩm Bến Tre được thành lập trên cơ sở sáp nhập Phòng Bảo chế thuốc của tỉnh phục vụ cung ứng thuốc cho chiến trường với Tổng kho Dược và các nhà thuốc mới tiếp quản sau 30.04.1975

Năm 1978

Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre quyết định thành lập Xí nghiệp Dược phẩm Bến Tre hoạt động song song cùng với Công ty Dược phẩm Bến Tre

Năm 1983

Xí nghiệp Liên hợp Dược Bến Tre được thành lập trên cơ sở hợp nhất Công ty Dược phẩm Bến Tre và Xí nghiệp Dược phẩm Bến Tre

Năm 1992

Xí nghiệp Liên hợp Dược Bến Tre được đổi tên thành Công ty Dược & Vật tư Y tế, chức năng kinh doanh là sản xuất kinh doanh dược phẩm, vật tư y tế

Năm 2004

Công ty Dược & Vật tư Y tế Bến Tre cổ phần hóa và đổi tên thành Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre (Bepharco), với vốn điều lệ 20 tỷ đồng, Nhà nước sở hữu 51% vốn điều lệ

Năm 2007

Công ty phát hành thêm 1.000.000 triệu cổ phần (mệnh giá 10.000đ/cổ phần), tăng vốn điều lệ lên 30 tỷ đồng

Năm 2009

Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre (Bepharco) chính thức được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, với mã chứng khoán là DBT



Năm 2013

Nhà nước thực hiện thoái vốn, giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tại Bepharco từ 51% xuống còn 34% vốn điều lệ

Năm 2014

Công ty phát hành thêm 3.999.895 cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, tăng vốn điều lệ lên 69,99 tỷ đồng

Tháng 12/2014, Nhà nước thoái vốn hoàn toàn tại Bepharco



Năm 2015

Công ty phát hành thêm 699.913 cổ phần để chi trả cổ tức lần 2 năm 2014, tăng vốn điều lệ lên 76,99 tỷ đồng

Tháng 8/2015 CTCP Dược phẩm Trung ương Codupha (Codupha) trở thành Công ty liên kết của Bepharco, Bepharco sở hữu với tỷ lệ 25,16%

Năm 2016

Công ty phát hành thêm 4.614.686 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, chi trả cổ tức và cổ phiếu ESOP, tăng vốn điều lệ lên 123,14 tỷ đồng



Năm 2017

Tháng 3/2017 CTCP Dược phẩm Yên Bái (Ypharco) trở thành Công ty con của Bepharco, Bepharco sở hữu với tỷ lệ 51,84%

Tháng 4/2017 CTCP Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang (Bio-pharco) trở thành Công ty con của Bepharco, Bepharco sở hữu với tỷ lệ 51,0%

Bepharco triển khai phân phối độc quyền 02 nhóm hàng của Công ty con theo định hướng phát triển lâu dài của Công ty trong chuỗi giá trị ngành dược, bao gồm nhóm đông dược và sinh phẩm

Năm 2019

Công ty phát hành riêng lẻ 1.214.320 cổ phiếu cho các nhà đầu tư chiến lược, tăng vốn điều lệ lên 135,28 tỷ đồng

Tháng 7/2019, Bepharco thực hiện tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty con Ypharco từ 51,84% lên 82,15% nhằm tăng quyền chủ động điều hành trong sản xuất kinh doanh

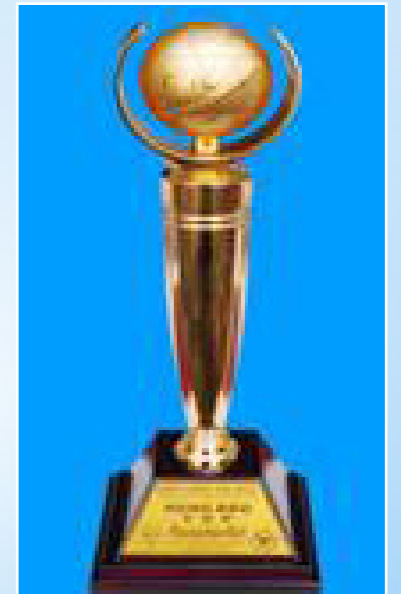
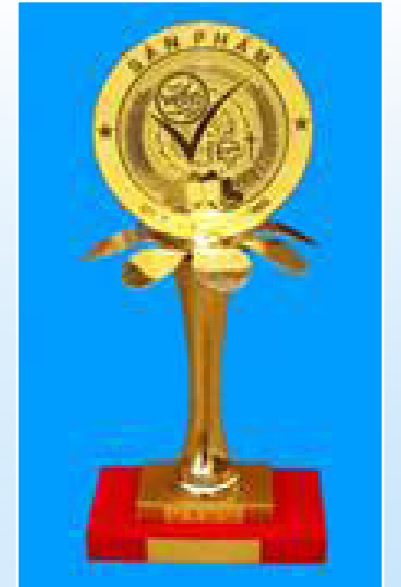
Năm 2019 là năm đầu tiên nhiệm kỳ mới của Hội đồng Quản trị Công ty (2019-2023), là năm Bepharco thực hiện tái cấu trúc toàn diện từ Công ty mẹ đến các Công ty con, từ HĐQT đến các phòng ban trực thuộc, thực hiện triển khai các kế hoạch định hướng trong 05 năm của ĐHĐCĐ và HĐQT đã đề ra



1.2. CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

Trong nhiều năm qua, Bepharco đã vinh dự nhận được nhiều bằng khen, giải thưởng bình chọn, cúp chứng nhận từ Nhà nước, các bộ ngành và địa phương, cụ thể như sau:

- 🏆 Huân chương lao động hạng 3 năm 1987 - Chủ tịch nước;
- 🏆 Huân chương lao động hạng 2 năm 1992 - Chủ tịch nước;
- 🏆 Huân chương lao động hạng 1 năm 1997 - Chủ tịch nước;
- 🏆 Giải thưởng chất lượng Việt Nam năm 2005, 2008 - Bộ Khoa học và Công nghệ;
- ★ Doanh nghiệp Việt Nam Uy tín - Chất lượng (Trust brand) năm 2006, 2007, 2008 - Báo Thông tin thương mại (Bộ thương mại) - Vietnaminterprise;
- ★ Đơn vị thi đua xuất sắc năm 2006, 2008 - UBND tỉnh Bến Tre;
- ★ Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua năm 2006 - Cờ thi đua Chính phủ;
- ★ Đơn vị xuất sắc nhất trong phong trào "Xanh, sạch, đẹp. Bảo đảm an toàn vệ sinh lao động" năm 2005 - Tổng LĐLĐ Việt Nam;
- ★ Đơn vị đạt giải nhì khối thi đua năm 2010 - UBND tỉnh Bến Tre; Bằng khen của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam - Với thành tích đã thực hiện tốt chính sách BHXH, BHYT năm 2015 và 2016;
- ★ Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội tôn vinh là một trong 30 doanh nghiệp minh bạch nhất HNX năm 2015 - 2016;
- ★ Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2017, 2018, 2019 do VNR đánh giá xếp hạng;



2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

2.1. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Sản xuất, kinh doanh thuốc trị bệnh cho người

Bán buôn, bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế, mỹ phẩm

Kinh doanh các loại máy móc, trang thiết bị y tế

Cho thuê mặt bằng kinh doanh

Xuất nhập khẩu các mặt hàng: thuốc thành phẩm, bao bì, nguyên phụ liệu, hương liệu phục vụ sản xuất, hóa chất xét nghiệm, sản phẩm sinh học

2.2. ĐỊA BÀN KINH DOANH

Mạng lưới phân phối của DBT trải rộng trên toàn quốc, phủ khắp 63 tỉnh thành.

- + Trụ sở chính tại TP Bến Tre và phòng Kinh doanh tại TP Bến Tre.
- + Văn phòng điều hành tại TPHCM gồm Ban điều hành và các phòng ban chức năng.
- + 06 chi nhánh trực thuộc quản lý mạng lưới bán hàng phủ khắp toàn quốc.

Địa bàn phân phối được phân vùng quản lý.

+ **Địa bàn trong tỉnh:** Với đầu mối phân phối là phòng kinh doanh, phân phối sản phẩm đến hơn 2.000 đối tượng khách hàng. Tham gia bán lẻ tại các cửa hàng trực thuộc hiệu thuốc (kể cả các cửa hàng trong bệnh viện).

+ **Địa bàn ngoài tỉnh:** gồm Văn phòng đại diện và 6 chi nhánh trực thuộc, phụ trách phân phối thuốc đến gần 18.000 đối tượng khách hàng.

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh:

phân phối trên địa bàn 11 tỉnh, gồm TP. Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Long An, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Vũng Tàu, Bình Thuận, Đắk Nông, Lâm Đồng.

Chi nhánh Cần Thơ:

phân phối trên địa bàn 10 tỉnh, gồm Cần Thơ, An Giang, Bạc Liêu, Cà Mau, Hậu Giang, Kiên Giang, Đồng Tháp, Sóc Trăng, Trà Vinh, Vĩnh Long.

Chi nhánh Hà Nội:

phân phối trên địa bàn 20 tỉnh, gồm Hà Nội, Bắc Giang, Hải Dương, Hải Phòng, Lào Cai, Phú Thọ, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Bắc Ninh, Hưng Yên, Sơn La, Vĩnh Phúc, Yên Bái, Hà Giang, Điện Biên, Bắc Kạn, Quảng Ninh, Lạng Sơn, Lai Châu, Cao Bằng.

Chi nhánh Đà Nẵng:

phân phối trên địa bàn 8 tỉnh, gồm Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Thừa Thiên Huế, Quảng Trị, Quảng Bình, Hà Tĩnh, Nghệ An.

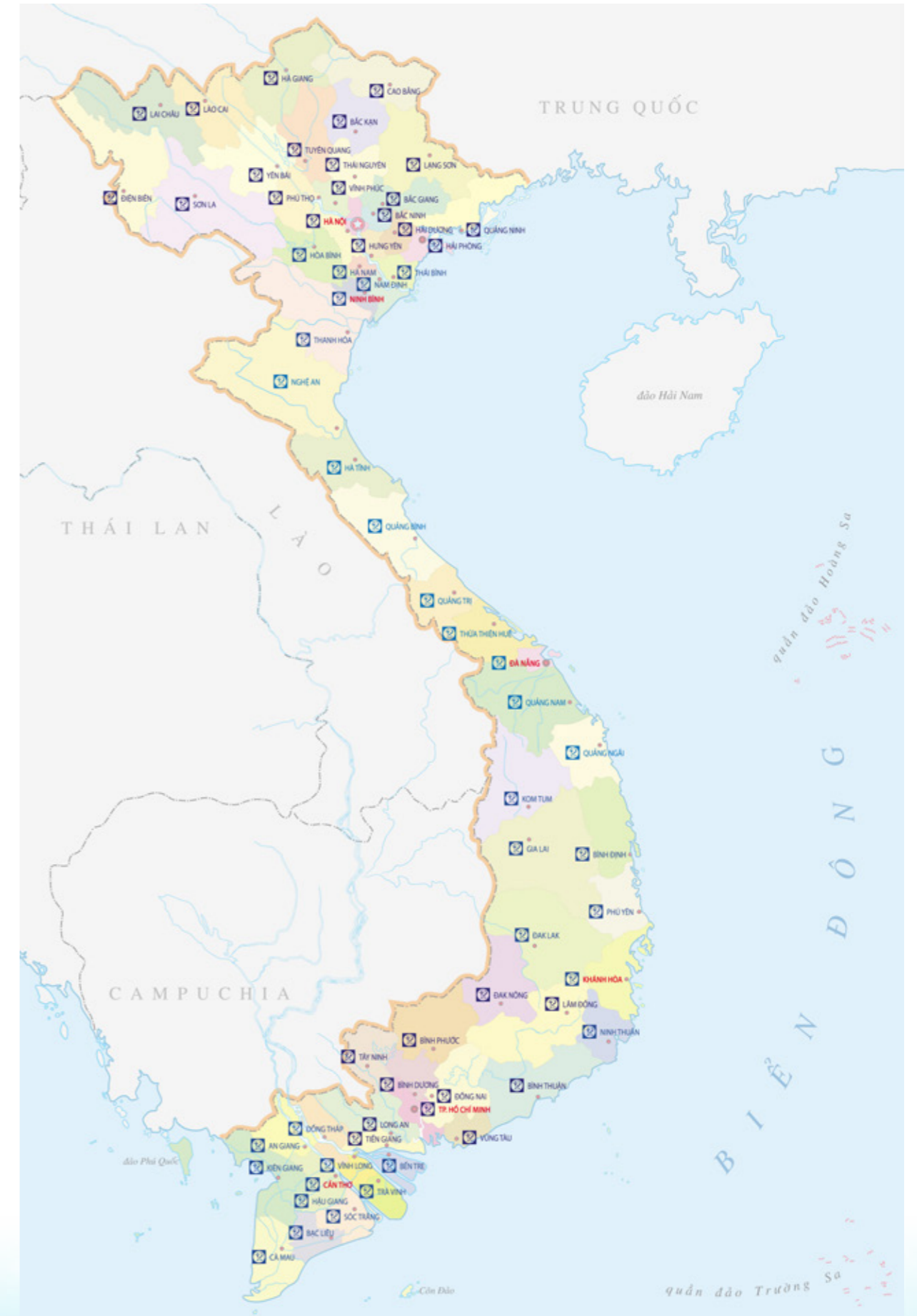
Chi nhánh Khánh Hòa:

phân phối trên địa bàn 7 tỉnh gồm Khánh Hòa, Phú Yên, Bình Định, Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum, Ninh Thuận.

Chi nhánh Ninh Bình:

phân phối trên địa bàn 6 tỉnh, gồm Ninh Bình, Nam Định, Thái Bình, Thanh Hóa, Hà Nam, Hòa Bình.

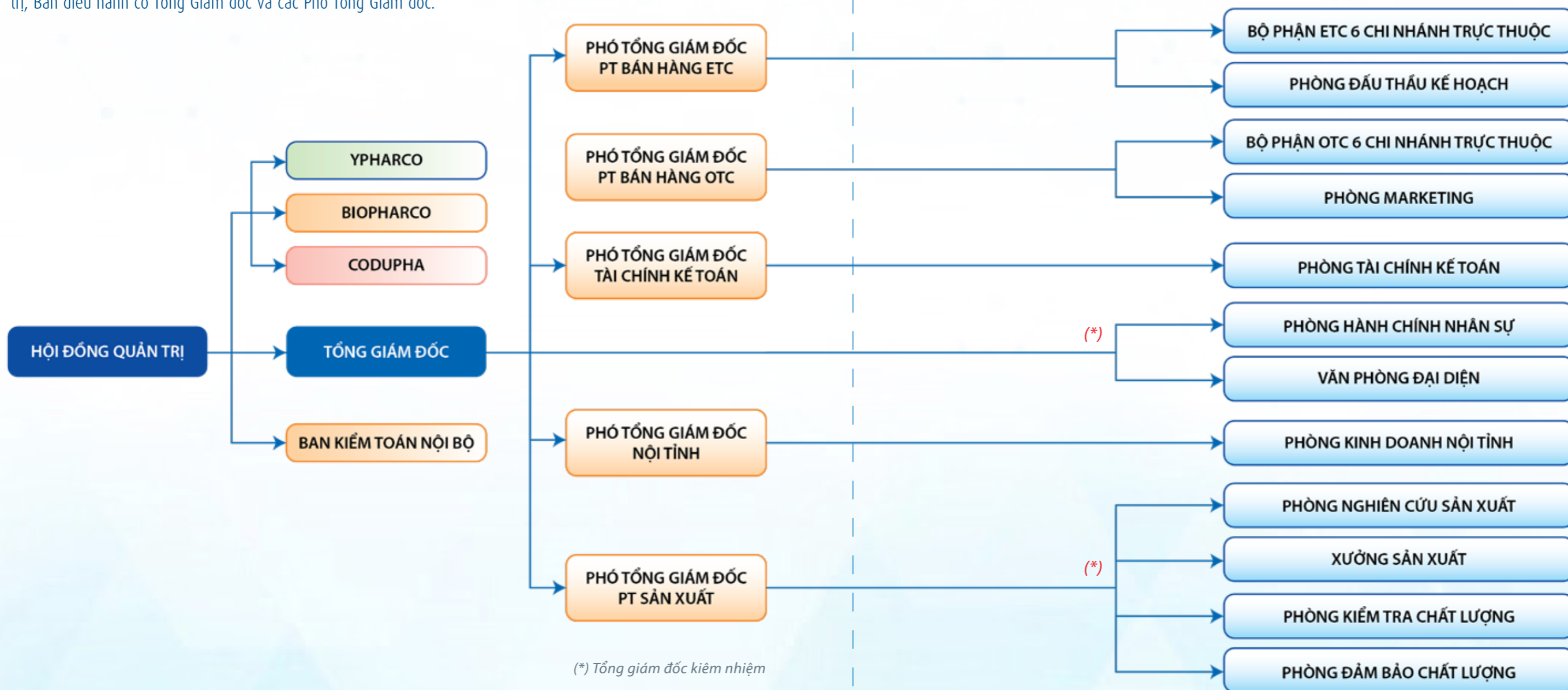
MẠNG LƯỚI PHÂN PHỐI - 06 CHI NHÁNH - 63 TỈNH THÀNH TRÊN CẢ NƯỚC



3. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

3.1. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty Cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông. Công ty có Hội đồng quản trị, Ban điều hành có Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc.



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. ĐHĐCĐ có những trách nhiệm chính: thảo luận và phê chuẩn những chính sách dài hạn và ngắn hạn về hướng phát triển của Công ty, quyết định về cơ cấu vốn, bầu ra bộ máy quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT quyết định chiến lược phát triển Công ty, xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh, xây dựng cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý Công ty đồng thời đưa ra các biện pháp, các quyết định nhằm đạt được các mục tiêu do ĐHĐCĐ đề ra.

Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị

- Lập kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm và thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ theo kế hoạch được phê duyệt;
- Kiến nghị các biện pháp sửa chữa, khắc phục sai sót; đề xuất biện pháp nhằm hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ;

TỔNG GIÁM ĐỐC

Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT về phương án kinh doanh và phương án đầu tư, kiến nghị cách bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty.

Phòng Hành chính Nhân sự: Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về sắp xếp, bố trí nguồn nhân sự phục vụ sản xuất kinh doanh, phù hợp với nhu cầu phát triển của Công ty, quản lý nhân sự tiền lương, hành chính, văn phòng,...

Văn phòng điều hành tại TPHCM: làm tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc Công ty trong việc quản lý giao dịch kinh doanh và tiếp thị sản phẩm.

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

Điều hành và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về hoạt động của khối tài chính kế toán.

Phòng Tài chính Kế toán: Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm, tổ chức bộ máy tài chính kế toán, thực hiện quản lý nguồn vốn, tài sản, cân đối thu chi.

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH ETC

Điều hành và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về hoạt động kinh doanh kênh ETC.

Phòng Đấu thầu Kế hoạch: Làm tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc Công ty trong việc quản lý, thực hiện công tác đấu thầu cung ứng thuốc kênh ETC; Xây dựng kế hoạch và điều động hàng hóa, đảm bảo nhu cầu hàng hóa kinh doanh cho các đơn vị trực thuộc Công ty.

Kênh ETC 06 chi nhánh trực thuộc: Có chức năng quản lý và đấu thầu cung ứng, phân phối sản phẩm cho kênh ETC trên địa bàn các tỉnh mà chi nhánh quản lý.

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH OTC

Điều hành và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về hoạt động kinh doanh kênh OTC.

Phòng Marketing: Triển khai thực hiện và đánh giá các chương trình quảng bá, tiếp thị sản phẩm, xây dựng kế hoạch phát triển hình ảnh, thương hiệu; Làm tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc Công ty về các chiến lược quảng bá, tiếp thị sản phẩm, mở rộng thị trường;

Kênh OTC 06 chi nhánh trực thuộc: Có chức năng quản lý và tiếp thị bán hàng, phân phối sản phẩm cho kênh OTC trên địa bàn các tỉnh mà chi nhánh quản lý.

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH KINH DOANH NỘI TỈNH

Điều hành và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về hoạt động của khối kinh doanh trong địa bàn tỉnh Bến Tre.

Phòng Kinh doanh nội tỉnh: quản lý và tiếp thị bán hàng, phân phối sản phẩm tại địa bàn trong tỉnh. Làm tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc trong việc ký kết hợp đồng mua bán giữa các khách hàng và Công ty, kiểm soát và quản lý quá trình thực hiện các hợp đồng kinh tế đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH SẢN XUẤT

Điều hành và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về hoạt động của khối sản xuất.

Phòng Kiểm tra chất lượng: Thực hiện việc xây dựng tiêu chuẩn và phương pháp kiểm nghiệm đối với nguyên liệu, bao bì, bán thành phẩm, thành phẩm.

Phòng Đảm bảo chất lượng: thực hiện công tác quản lý hệ thống chất lượng, soát xét tài liệu nội bộ, giám sát từ khâu mua nguyên liệu đầu vào, quá trình sản xuất đến thành phẩm xuất xưởng đảm bảo đạt tiêu chuẩn chất lượng, cập nhật thông tin, quy định hiện hành của các cơ quan quản lý chuyên ngành.

Phòng nghiên cứu sản xuất: làm tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc Công ty trong công tác cải tiến sản phẩm, nghiên cứu các sản phẩm mới và đăng ký lưu hành thuốc, theo dõi các hoạt động kỹ thuật, tham gia giải quyết các sự cố kỹ thuật trong quá trình sản xuất.

Xưởng sản xuất: thực hiện tất cả các công đoạn sản xuất từ khâu nhận nguyên phụ liệu đến khi sản xuất ra thành phẩm cuối cùng theo đúng các quy trình đã phê duyệt.

3.2. QUI MÔ CÁC NHÀ MÁY SẢN XUẤT TRỰC THUỘC

NHÀ MÁY SẢN XUẤT TẠI BEPHARCO

- Nhà xưởng sản xuất đạt chuẩn GMP WHO có diện tích: 1.474,25 m² được xây trên diện tích đất hơn 4.000 m².
- Địa điểm: Số 6A3, Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
- Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn “Thực hành tốt sản xuất thuốc” (GMP WHO), số: 161/GCN-QLD, cấp ngày 27 tháng 8 năm 2019.

Dòng sản phẩm chủ lực:
thuốc dạng siro và thuốc dạng hỗn dịch uống



NHÀ MÁY SẢN XUẤT TẠI BIOPHARCO

- Nhà máy sản xuất đạt chuẩn GMP WHO diện tích 7.000 m² được xây trên diện tích đất 100.000 m².
- Địa điểm : Thôn Cây Xoài, Xã Suối Tân, Huyện Cam Lâm, Tỉnh Khánh Hòa.
- Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn “Thực hành tốt sản xuất thuốc” (GMP WHO), số: 382/GCN-QLD, cấp ngày 12 tháng 9 năm 2017.

Dòng sản phẩm chủ lực:
Vắc xin, sinh phẩm, các sản phẩm thuốc và thực phẩm chức năng chứa men vi sinh



NHÀ MÁY SẢN XUẤT TẠI YPHARCO

- Nhà máy sản xuất đạt chuẩn GMP WHO diện tích sàn 2.800 m² được xây trên diện tích đất 6.500 m².
- Địa điểm : số 725 đường Yên Ninh, TP Yên Bái, tỉnh Yên Bái.
- Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn “Thực hành tốt sản xuất thuốc” (GMP WHO), số: 38/GCN-QLD, cấp ngày 08 tháng 01 năm 2018.

Dòng sản phẩm chủ lực:
thuốc đông dược, thực phẩm chức năng từ đông dược, thảo dược



4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

4.1. CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

- Tiếp tục phát triển với mục tiêu “CHẤT LƯỢNG – AN TOÀN – HIỆU QUẢ”
- Tăng cường công tác đầu tư vào các doanh nghiệp trong ngành có chuỗi cung ứng đảm bảo nhằm đa dạng hoá các sản phẩm của Bepharco.
- Cải tiến các sản phẩm cho phù hợp với thị trường. Nghiên cứu cho ra những sản phẩm mới có chất lượng và đảm bảo sức khỏe cho mọi người.
- Xây dựng đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp, tinh nhuệ, phát triển mạng lưới bán lẻ với mục tiêu trở thành nhà phân phối lớn và uy tín, tăng cường kiểm soát chi phí để tăng sức cạnh tranh trên thị trường.
- Gia tăng tỷ trọng nhóm hàng sản xuất trong nước, tạo sự cân bằng trong cơ cấu các nhóm hàng kinh doanh và mở rộng hợp tác với các đối tác nước ngoài nhằm đa dạng nguồn hàng, tăng lợi thế cạnh tranh trong kinh doanh.

4.2. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- Tiếp tục triển khai đầu tư, nghiên cứu, đăng ký những sản phẩm mới, dựa trên nhu cầu thị trường cũng như kết quả khảo sát từ quá trình kinh doanh.
- Đẩy mạnh tìm kiếm đối tác hợp tác sản xuất trong và ngoài nước, mục tiêu đưa vào thị trường nhiều sản phẩm mới phù hợp chiến lược kinh doanh.
- Triển khai đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ bán hàng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu kinh doanh trong tình hình mới.



- Triển khai đầu tư nâng cấp, xây dựng bộ nhận diện thương hiệu từ Công ty mẹ đến các Công ty con, từ công tác truyền thông đến mã sản phẩm, thể hiện sự đồng bộ, tính chuyên nghiệp, theo kịp xu thế thị trường.
- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản trị kinh doanh, quản lý bán hàng.
- Triển khai áp dụng đồng bộ việc chi trả lương theo mức độ hoàn thành công việc cho từng vị trí chức danh theo hệ thống KPI, nhằm tăng hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.
- Tăng cường đầu tư hệ thống kho tại Bepharco và các chi nhánh trực thuộc, cũng như hệ thống Logistic để phục vụ cho việc kinh doanh của Công ty và làm dịch vụ cho các đơn vị khác trong ngành.
- Hướng tới việc thành lập công ty con hoặc văn phòng đại diện tại nước ngoài để tăng cường cơ hội tìm kiếm các đối tác, nhà sản xuất cũng như mở rộng mạng lưới kinh doanh, phát triển thị trường nước ngoài.

4.3. CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG CỦA CÔNG TY

- Tuân thủ nghiêm ngặt về yêu cầu bảo vệ môi trường trong quá trình kinh doanh, chú trọng phòng chống cháy nổ, xử lý nguồn nước thải theo đúng tiêu chuẩn của ngành và luật pháp Việt Nam.
- Công ty luôn quan tâm công tác chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động, tạo môi trường làm việc năng động, sáng tạo để người lao động phát huy thế mạnh của bản thân góp phần vào sự thành công chung của DBT. Hơn thế nữa, Công ty hàng năm còn trích ra một phần lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh để thực hiện các công tác xã hội, hưởng ứng các phong trào đền ơn đáp nghĩa, quyên góp ủng hộ các hộ nghèo, gia đình gặp khó khăn, thiên tai do bão lũ gây ra,...

5. CÁC RỦI RO

5.1. RỦI RO KINH TẾ

- Trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng chậm lại, căng thẳng thương mại giữa Mỹ - Trung và vấn đề chính trị càng làm gia tăng đáng kể tính bất ổn của hệ thống thương mại toàn cầu, gây ảnh hưởng không nhỏ tới niềm tin kinh doanh, quyết định đầu tư và thương mại toàn cầu. Sự biến động khó lường trên thị trường tài chính, tiền tệ quốc tế, giá dầu diễn biến phức tạp tác động đến tăng trưởng tín dụng, tâm lý và kỳ vọng thị trường, trong đó có sự ảnh hưởng tới ngành dược trong nước.

- Tuy nhiên, theo dự báo của Tổng cục Thống kê, người dân Việt Nam độ tuổi trung bình từ 65 trở lên dự kiến đạt 7,4 triệu người trong năm 2020 và nhóm 65 tuổi trở lên sẽ tăng gần 7,9% trong tổng dân số cả nước năm 2020 và 18,1% năm 2049 (tăng nhanh với mức 7,1% năm 2014), với xu hướng dân số già hóa, chi phí dành cho chăm sóc sức khỏe tăng thêm, tăng tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế, đồng nghĩa với nhu cầu về dược phẩm, vật tư y tế phải đáp ứng kịp thời và đầy đủ.

- Từ đầu tháng 12/2019, tình hình dịch bệnh Covid-19 đã xuất hiện đầu tiên tại Trung Quốc, tính

đến tháng 4/2020, đại dịch Covid-19 đã lan ra tại 210 quốc gia/vùng lãnh thổ. Đến nay, dịch bệnh vẫn chưa được kiểm soát và còn lây lan nhanh, diễn biến phức tạp tại Châu Âu, Mỹ và nhiều nước châu Á, tác động tiêu cực đối với mọi hoạt động kinh tế - xã hội toàn cầu và Việt Nam, hầu hết các ngành, lĩnh vực kinh tế đều chịu tác động tiêu cực. Trong đó các hoạt động chăm sóc sức khỏe và nhu cầu chữa các bệnh khác (không phải dịch Covid-19) giảm đáng kể, việc nhập khẩu nguyên liệu, hàng hóa gặp nhiều khó khăn, trong khi phải tăng chi để trang trải các biện pháp phòng ngừa rủi ro dịch bệnh... đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của hầu hết các ngành sản xuất, kinh doanh.

5.2. RỦI RO PHÁP LUẬT

- Ngành Dược là một trong những ngành chịu tác động nhiều bởi những tác động về quy định quản lý của Nhà nước. Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016 chính thức có hiệu lực ngày 01/01/2017. Các văn bản dưới luật như Nghị định số 54/2017/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược; thông tư số 11/2018/TT-BYT quy định về chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc; thông tư số 32/2018/



TT-BYT qui định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc; thông tư số 15/2019/TT-BYT qui định việc đấu thầu thuốc trong các cơ sở y tế công lập. Với những quy định nghiêm ngặt trong việc quản lý công tác đấu thầu, cung ứng thuốc và đăng ký lưu hành sản phẩm Công ty sẽ gặp không ít những khó khăn trong công tác bán hàng. Tuy nhiên, để giảm thiểu những rủi ro này Công ty luôn chủ động nắm bắt các quy định trong chuyên môn để chủ động cải thiện nội lực, áp dụng các tiêu chuẩn mới phù hợp với Luật hiện hành đảm bảo điều kiện kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Ngoài ra, CTCP Dược phẩm Bến Tre là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần niêm yết, hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật như Luật Doanh Nghiệp, Luật Thuế, Bộ luật Lao động, Luật Chứng khoán... Trong những năm gần đây, nhằm đáp ứng nhu cầu hội nhập sâu rộng trên trường quốc tế, ký kết nhiều hiệp định, các văn bản Luật dần được ban hành mới. Trong đó, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 26/11/2019 thay thế Luật Chứng khoán 2006 và Luật Chứng khoán sửa đổi 2010 có nhiều sửa đổi, thay thế.

- Luật và các văn bản dưới luật đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra thì sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó, Công ty luôn chủ động nghiên cứu nắm bắt các quy định mới nhằm tuân thủ các điều luật, nâng cao tính minh bạch, đặc biệt là đưa khả năng quản

trị Công ty tiệm cận với các thông lệ tốt của quốc tế giúp việc quản lý ngày một hiệu quả hơn.

5.3. RỦI RO CẠNH TRANH

- Việc thực hiện các Hiệp định thương mại tự do (FTA), hình thành cộng đồng ASEAN vào đầu năm 2019, Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTTP) có hiệu lực sẽ mở ra cơ hội và không gian phát triển rộng lớn hơn, nhưng thách thức cũng lớn hơn đối với các doanh nghiệp ngành dược. Tiến trình này sẽ thu hút mạnh các nhà đầu tư ngoại tham gia vào nền kinh tế, tạo nên sự đa dạng trong cả cung và cầu, song song đó là sự cạnh tranh mạnh mẽ do hội nhập mang lại, nhất là cạnh tranh ngày càng gay gắt ngay cả trên thị trường trong nước.

- Mặc dù hiện nay, kênh phân phối của Bepharco đã trải rộng khắp cả nước, tuy nhiên mức độ cạnh tranh trong những năm tới có thể gia tăng do các doanh nghiệp qui mô lớn hơn. Trong bối cảnh đó, Bepharco sẽ tiếp tục củng cố mối quan hệ với các kênh phân phối, xây dựng chiến lược phát triển thương hiệu, xây dựng đội ngũ nhân viên tư vấn trực tiếp đến người tiêu dùng để nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty, giữ vững thị phần, vị thế của Bepharco trong ngành.



5.4. RỦI RO TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI

Hàng năm, Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre nhập khẩu trực tiếp các mặt hàng tân dược từ nước ngoài, phần lớn từ châu Âu (chiếm khoảng 50% doanh thu của Công ty). Giá cả nhập khẩu các mặt hàng trên bị tác động bởi những biến động về tỷ giá (tỷ trọng

thanh toán bằng EUR chiếm 65% tổng giá trị thanh toán). Để giảm thiểu ảnh hưởng của loại rủi ro này, Công ty đã tiến hành phân tích, đánh giá và dự báo biến động giá cả sản phẩm đầu vào, từ đó chủ động nhập khẩu và tồn trữ hàng hóa thích hợp.

5.5. RỦI RO SẢN PHẨM

- Các công ty dược trong nước phụ thuộc cao vào nguyên phụ liệu dược phẩm nhập khẩu. Nguyên phụ dược liệu nhập khẩu được cho là chiếm phần lớn trong tổng nhu cầu khoảng 80% - 90%. Đây luôn là vấn đề của Việt Nam trong dài hạn bởi để sản xuất dược liệu đòi hỏi phải đầu tư nhiều và cần có khả năng về công nghệ. Hiện Việt Nam không có lợi thế cạnh tranh so với các nước khác, như Trung Quốc và Ấn Độ. Do đó, các công ty trong ngành dược có thể phải đối mặt với việc giá nguyên phụ liệu tăng cao, cũng như đối mặt với rủi ro tỷ giá.

- Dược phẩm là một loại hàng hóa đặc thù liên quan đến sức khỏe và tính mạng của con người. Những năm gần đây, ngành Dược phẩm Việt Nam đang đối mặt với việc hàng nhái, hàng kém chất lượng, làm

giả gắn nhãn mác các thương hiệu nổi tiếng xuất hiện tràn lan trên thị trường làm hoang mang cho người tiêu dùng và gây thiệt hại lớn đến uy tín, doanh số của các doanh nghiệp trong ngành. Vì vậy trong những năm tiếp theo, mục tiêu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre là tiếp tục cố gắng hoàn thiện và thực hiện nghiêm ngặt trong quy trình đóng gói, tem chống giả và bộ nhận diện thương hiệu, đảm bảo an toàn và chất lượng sử dụng cho người tiêu dùng.

5.6. RỦI RO LÃI SUẤT

- Năm 2019 là năm thể hiện sự thành công điều tiết chính sách tiền tệ của NHNN khi nhiều chính sách được ban hành, đồng thời có những động thái can thiệp đúng lúc khi thị trường bắt đầu manh nha có những biến động. NHNN thông báo giảm một loạt lãi suất điều hành vào ngày 13/09/2019. Trong bối cảnh lạm phát còn dưới mức mục tiêu, thì việc giảm lãi suất như là một chính sách tiền tệ mở rộng hữu hiệu, chẳng những hỗ trợ cho hệ thống doanh nghiệp, mà còn hỗ trợ cho thanh khoản tiền đồng của

hệ thống ngân hàng, khi ngân hàng cần tiền. Từ đó, lãi suất huy động giảm xuống đồng thời giúp lãi suất cho vay cũng giảm theo.

- Năm 2019, mặt bằng lãi suất cho vay VND duy trì ở mức 6,0-9,0%/năm đối với ngắn hạn. Mặc dù, NHNN có những động thái giảm trần lãi suất cho vay ngắn hạn bằng VNĐ nhưng chỉ áp dụng cho các lĩnh vực ưu tiên. Do đó, Công ty không được hưởng lợi từ chính sách này. Với đặc thù kinh doanh của Công ty là thương mại dược phẩm nên dòng tiền để bổ sung vốn lưu động cho mục đích tồn kho hàng hóa lớn kéo theo nợ vay ngắn hạn luôn chiếm tỷ trọng cao trong tổng tài sản của Công ty. Khi có sự thay đổi nhỏ đối với lãi suất cho vay sẽ trực tiếp ảnh hưởng đến chi phí tài chính dẫn đến ăn mòn vào lợi nhuận, tác động đến dòng tiền của Công ty. Vì vậy, Công ty luôn chủ động theo dõi tình hình lãi suất để đưa ra những quyết định đúng đắn và đúng lúc.

5.7. RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG

- Ngoài việc thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan đến ngành nghề kinh doanh, Công ty còn

chịu sự chi phối của Luật Bảo vệ Môi trường. Những hoạt động sản xuất, kinh doanh, xử lý chất thải tránh gây ô nhiễm môi trường luôn được Công ty đặt lên hàng đầu. Là một công ty hoạt động trong ngành Dược phẩm, sứ mệnh của Bepharco mang lại sức khỏe cho cộng đồng và xã hội. Vì vậy, Công ty luôn ý thức về vấn đề bảo vệ môi trường trong sạch, lành mạnh. Chấp hành Luật Bảo vệ Môi trường là một trong ưu tiên hàng đầu của Công ty.

5.8. RỦI RO KHÁC

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do thiên tai, biến động giá cả, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh, bệnh dịch... làm giảm lợi nhuận của Công ty hoặc làm cho các khách hàng truyền thống có thể bị giảm sút và các thị trường tiềm năng có thể mất ổn định. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.



2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính và các chỉ tiêu tài chính chủ yếu
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội



1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

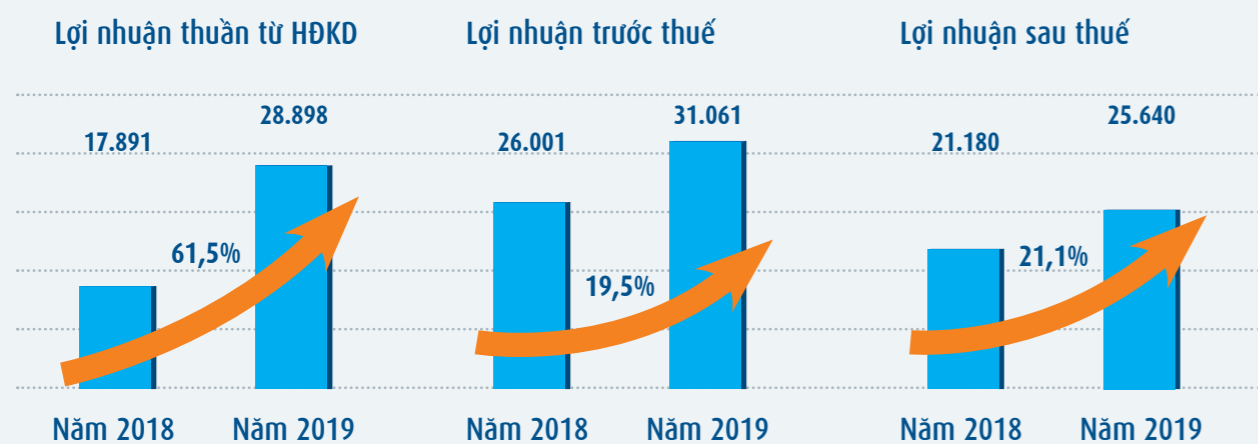
ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% Tăng/ Giảm
1	Doanh thu thuần	776.298	786.282	1,3%
2	Giá vốn hàng bán	596.571	599.037	0,4%
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	179.727	187.245	4,2%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	6.176	8.908	44,2%
5	Chi phí tài chính	19.296	16.970	-12,1%
	Chi phí lãi vay	13.210	15.184	14,9%
6	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	5.621	5.928	5,5%
7	Chi phí bán hàng	97.734	105.428	7,9%
8	Chi phí quản lý doanh nghiệp	56.602	50.785	-10,3%
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	17.891	28.898	61,5%
10	Lợi nhuận khác	8.110	2.163	-73,3%
11	Lợi nhuận trước thuế	26.001	31.061	19,5%
12	Lợi nhuận sau thuế	21.180	25.640	21,1%

Nguồn: BCTC hợp nhất của DBT

Hoạt động sản xuất kinh doanh:

ĐVT: Triệu đồng



- Trong năm 2019, doanh thu thuần đạt 786,3 tỷ đồng, mặc dù công ty mẹ doanh thu có sụt giảm so với cùng kỳ do ảnh hưởng chính sách đấu thầu cung ứng thuốc cho hệ điều trị, tuy nhiên doanh thu hợp nhất tăng nhẹ so với cùng kỳ.

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2019 đạt 28,9 tỷ đồng, tăng 61,5% so với cùng kỳ là do công ty đã kiểm soát tốt các khoản mục chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp và cơ cấu lại hoạt động kinh doanh cho nhóm hàng có biên lợi nhuận cao. Trong khi chi phí bán hàng tăng 7,9% do đầu tư cho các kênh bán hàng, thì chi phí quản lý giảm đến 10,3% do tái cơ cấu toàn diện khối gián tiếp hỗ trợ cho các hoạt động kinh doanh, phân phối,

- Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2019 đạt 31 tỷ đồng, tăng 19,5% so với cùng kỳ năm 2018. Mặc dù, khoản thu nhập khác giảm nhiều so với cùng kỳ, do tình hình khó khăn chung của ngành Dược, và chịu tác động tiêu cực của chính sách đặc thù ngành.

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

2.1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

a) Danh sách Hội đồng quản trị tại thời điểm ngày 31/12/2019

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (*)	Tỷ lệ sở hữu %/vốn điều lệ
1	Ông Lê Văn Minh	Chủ tịch HĐQT	1.453.298	10,74%
2	Ông Vũ Quang Đông	Phó Chủ tịch	0	0%
3	Ông Phạm Thứ Triệu	Thành viên kiêm TGĐ	1.038.965	7,68%
4	Ông Lê Vinh Danh	Thành viên	0	0%
5	Ông Nguyễn Khắc Hanh	Thành viên	25.000	0,18%
6	Ông Nguyễn Hoàng Sơn	Thành viên	611.250	4,52%
7	Ông Võ Minh Tân	Thành viên	30.000	0,22%

(*) Theo danh sách cổ đông của DBT tại thời điểm ngày 20/03/2020

TÓM TẮT LÝ LỊCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông **LÊ VĂN MINH**

- Chủ tịch HĐQT
- Năm sinh: 1980
- Địa chỉ: Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - + Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc CTCP Dược phẩm Trung ương Codupha.



Ông **VŨ QUANG ĐÔNG**

- Phó Chủ tịch HĐQT
- Năm sinh: 1979
- Địa chỉ: Đống Đa, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Kinh tế tài chính
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - + Chủ tịch Hội đồng Quản trị CTCP Dược phẩm Yên Bái.
 - + Tổng Giám đốc Công ty Liên doanh và Quản lý quỹ Vietcombank.
 - + Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn Đầu tư và Thương mại Mundus Stones.



Ông **PHẠM THỨ TRIỆU**

- Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Bepharco
- Năm sinh: 1979
- Địa chỉ: Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán - Kiểm toán
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - + Chủ tịch HĐQT CTCP Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang.
 - + Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm TW Codupha.
 - + Chủ tịch HĐQT CTCP Giám định cà phê và hàng hóa xuất nhập khẩu.



Ông **NGUYỄN KHẮC HANH**

- Thành viên HĐQT
- Năm sinh: 1978
- Địa chỉ: Quận 8, TP. Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật.
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - + Giám đốc tài chính CTCP dệt may Đông Khánh
 - + CTCP dệt may Đông Quang (Đông Quang Group)



Ông **NGUYỄN HOÀNG SƠN**

- Thành viên HĐQT
- Năm sinh: 1965
- Địa chỉ: Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - + Thành viên HĐQT CTCP Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang.
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Đức Việt.
 - + Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm Yên Bái.



Ông **VÕ MINH TÂN**

- Thành viên HĐQT
- Năm sinh: 1969
- Địa chỉ: Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre
- Trình độ chuyên môn: Dược sĩ Đại học
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - + Thành viên HĐQT CTCP Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang
 - + Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm Yên Bái



Ông **LÊ VINH DANH**

- Thành viên HĐQT
- Năm sinh: 1963
- Địa chỉ: Quận 2, TP. Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ kinh tế, Học giả sau tiến sĩ, Giáo sư kinh tế
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - + Hiệu trưởng Trường Đại học Tôn Đức Thắng TP. Hồ Chí Minh.

2.2. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

a) Danh sách Ban Tổng Giám đốc Công ty tại thời điểm 31/12/2019

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (*)	Tỷ lệ sở hữu %/vốn điều lệ
1	Ông Phạm Thứ Triệu	Tổng Giám đốc	1.038.965	7,68%
2	Ông Hoàng Xuân An	Phó Tổng Giám đốc	31.354	0,23%
3	Bà Trần Thị Thanh Phượng	Phó Tổng Giám đốc	25.060	0,19%
4	Ông Triệu Văn Bảo Quốc	Phó Tổng Giám đốc	10.965	0,08%
5	Ông Võ Minh Tân	Phó Tổng Giám đốc	30.000	0,22%
6	Ông Nguyễn Thế Quốc Uy	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	0	0%

(*) Theo danh sách cổ đông của DBT tại thời điểm ngày 20/03/2020

b) Tóm tắt lý lịch các thành viên Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Thứ Triệu

- **Tổng Giám đốc**
- Xem lý lịch Thành viên Hội đồng quản trị.

Ông Hoàng Xuân An

- **Phó Tổng Giám đốc**
- Năm sinh: 1978
- Địa chỉ thường trú: 42, Tổ 46, Ngõ 123, Đường Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
+ Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Dược phẩm Yên Bái.

Bà Trần Thị Thanh Phượng

- **Phó Tổng Giám đốc**
- Năm sinh: 1964
- Địa chỉ thường trú: 275 A4, Khu phố 3, Phú Khương, Tỉnh Bến Tre
- Trình độ chuyên môn: Dược sỹ
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: không có.

Ông Triệu Văn Bảo Quốc

- **Phó Tổng Giám đốc**
- Năm sinh: 1976
- Địa chỉ thường trú: Ấp Phú Lộc Thượng, X. An Định, H. Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre
- Trình độ chuyên môn: Dược sĩ
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: không có.

Ông Võ Minh Tân

- **Phó Tổng Giám đốc**
- Xem lý lịch Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Thế Quốc Uy

- **Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng**
- Năm sinh: 1984
- Địa chỉ thường trú: B103, Căn hộ Quang Thái, 111B Lý Thánh Tông, phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính, Ngân hàng.
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: không có.

2.3. DANH SÁCH BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (*)	Tỷ lệ sở hữu %/vốn điều lệ
1	Ông Nguyễn Khắc Hanh	Trưởng ban	25.000	0,18%

Theo danh sách cổ đông của DBT tại thời điểm ngày 20/03/2020

Lý lịch Ông Nguyễn Khắc Hanh – Trưởng Ban kiểm toán nội bộ: xem lý lịch Thành viên Hội đồng quản trị.

2.4. DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HĐQT, BKTNB, BTGD TRONG NĂM 2019

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Lê Văn Minh	Chủ tịch HĐQT	20/04/2019	
2	Vũ Quang Đông	Phó Chủ tịch HĐQT	20/04/2019	
3	Phạm Thứ Triệu	Chủ tịch HĐQT		20/04/2019
4	Võ Minh Tân	Phó Chủ tịch HĐQT		20/04/2019
5	Phạm Thứ Triệu	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	23/04/2019	
6	Võ Minh Tân	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ	23/04/2019	

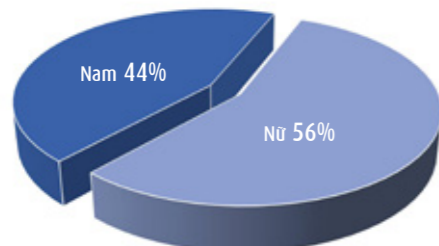
2.5. SỐ LƯỢNG CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

SỐ LƯỢNG CBCNV

Với qui mô Công ty mẹ và 02 Công ty con, tổng số nhân sự Công ty tính đến thời điểm ngày 31/03/2020 như sau:

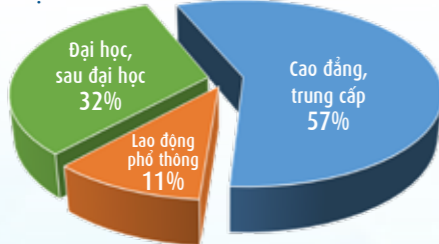
STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Phân loại theo giới tính	591	100,00%
1	Nam	262	44%
2	Nữ	329	56%
B	Theo trình độ	591	100,00%
1	Đại học và sau đại học	190	32%
2	Cao đẳng, trung cấp	339	57%
3	Lao động phổ thông	62	10%
C	Theo tính chất lao động	591	100,00%
1	Bán hàng	272	46%
2	Sản xuất	115	19%
3	Gián tiếp	204	35%

Giới tính



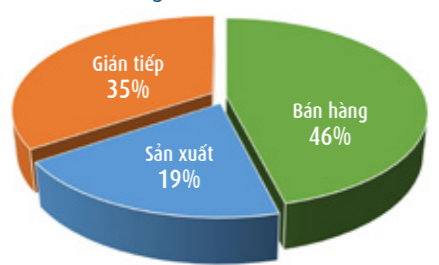
Theo giới tính: Trong 591 lao động có 262 lao động là nam giới tương ứng với tỷ lệ 44% và 329 lao động là nữ chiếm 56%. Với đặc điểm ngành hoạt động sản xuất kinh doanh dược phẩm, với yêu cầu kĩ thuật cao, sự tỉ mỉ để đảm bảo chất lượng hàng hóa nên lao động nữ chiếm ưu thế, đáp ứng nhu cầu lao động, phù hợp với tính chất hoạt động của Công ty.

Trình độ



Theo trình độ: Trong cơ cấu lao động theo trình độ, số lượng lao động có trình độ đại học trở lên và trình độ cao đẳng trung cấp lần lượt là 32% và 57%, còn lại 10% là lao động phổ thông. Công ty hoạt động sản xuất, kinh doanh và cung ứng thuốc, là lĩnh vực liên quan đến sức khỏe cộng đồng nên cần lượng lao động có trình độ chuyên môn cao, đảm bảo an toàn và kỹ thuật trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

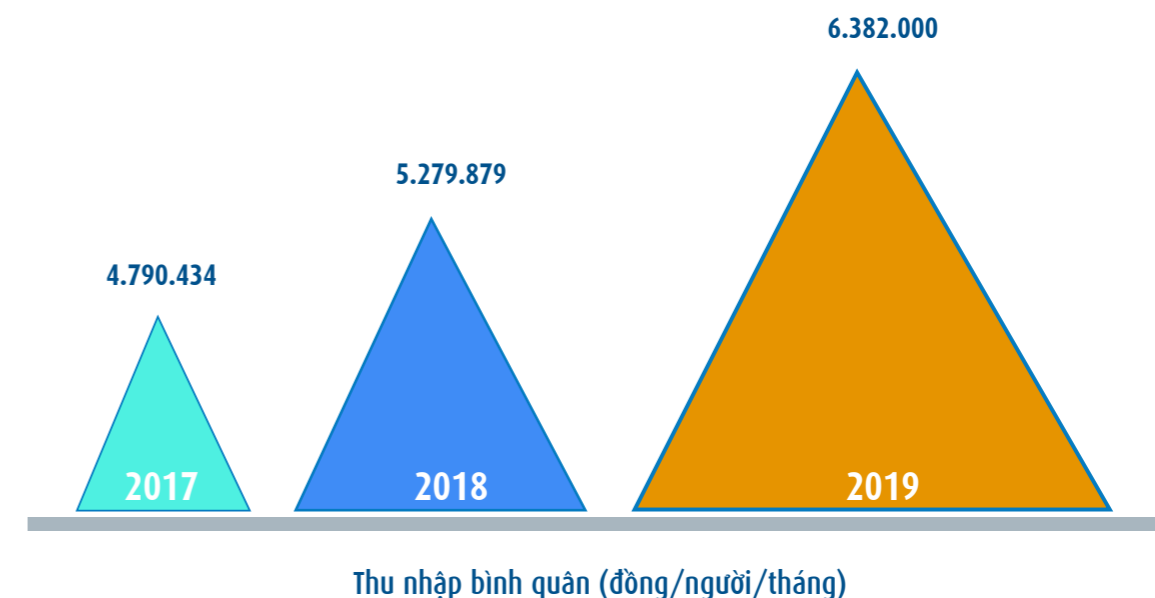
Tính chất lao động



Theo tính chất lao động: Hoạt động chủ yếu của 02 Công ty con là sản xuất, Công ty mẹ phụ trách phân phối chính, do đó số lượng lao động trực tiếp bán hàng chiếm đa số với số lượng là 272 lao động tương ứng tỷ lệ 46%, sản xuất là 115 lao động tương ứng tỷ lệ 19%, còn lại là 30 lao động gián tiếp chiếm tỷ lệ 35%.

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Chế độ làm việc: Công ty thực hiện chế độ làm việc 8 giờ/ngày và 44 giờ/tuần.
- Chế độ nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết: theo quy định của Luật lao động.
- Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp: Công ty thực hiện đóng bảo hiểm bắt buộc 100% cho người lao động.
- Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc cần thiết cho cán bộ công nhân viên, áp dụng chế độ định kỳ kiểm tra sức khỏe cho toàn thể CBCNV trong Công ty mỗi năm một lần.
- Công ty đã đóng bảo hiểm tai nạn cho 100% cán bộ nhân viên và bảo hiểm nhân thọ cho đội ngũ cán bộ chủ chốt tại công ty qua đó tạo phúc lợi và sự yên tâm công tác cho toàn thể người lao động trong công ty
- Thu nhập bình quân đầu người tại Công ty năm 2019 đạt gần 6,4 triệu đồng/tháng. mức lương bình quân của người lao động Công ty qua các năm đều được cải thiện.



- Ngoài chính sách lương, DBT còn có nhiều chính sách khen thưởng đãi ngộ khác nhằm đảm bảo đời sống, sức khỏe, cũng như đời sống tinh thần cho người lao động.
- Công ty luôn thực hiện tốt và đầy đủ tất cả chính sách có liên quan đến người lao động, thực hiện chi thưởng, tặng quà cho CBCNV nhân ngày truyền thống ngành và các ngày lễ lớn trong năm.
- Định kỳ hàng quý, 6 tháng có đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng vị trí chức danh công việc để khen thưởng theo phân hạng ABCD, tạo sự công bằng trong đánh giá khen thưởng thành tích cho người lao động, thúc đẩy tăng năng suất và hiệu quả làm việc.

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

3.1. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, ĐẦU TƯ DỰ ÁN

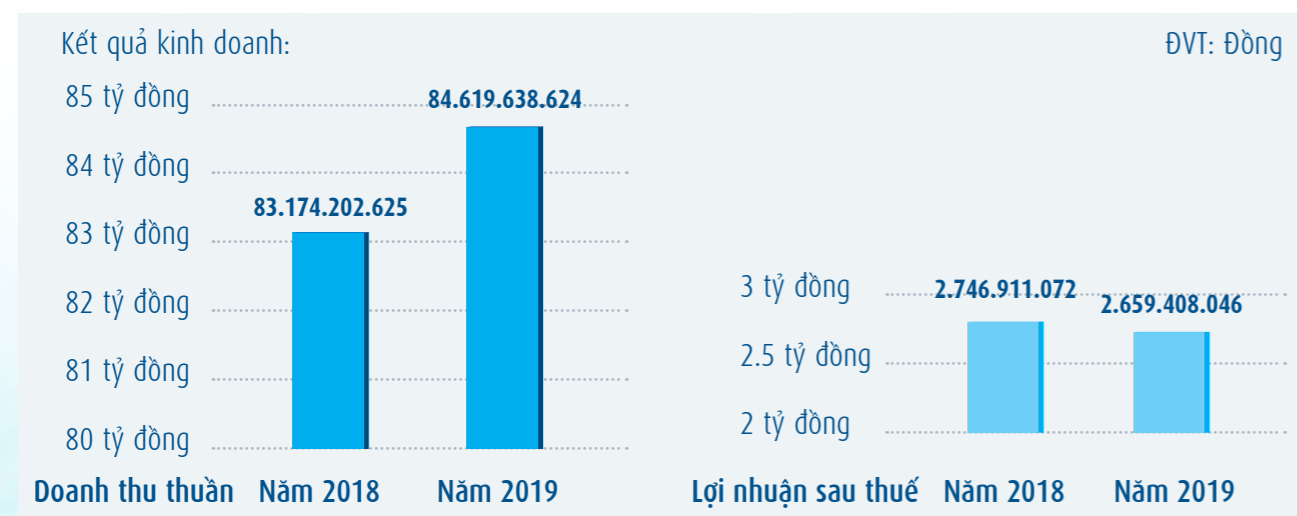
- Tăng tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tại CTCP Dược phẩm Yên Bái từ 53,53% lên 82,15%, cũng như tiếp tục thực hiện chủ trương tăng tỷ lệ sở hữu thêm tại các công ty con nếu phù hợp.
- Hoàn thành việc nộp tiền sử dụng đất một lần cho một số thửa đất của công ty để ổn định chi phí sử dụng đất và hướng đến sử dụng hiệu quả hơn.

3.2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM YÊN BÁI

(Công ty con)

- Địa chỉ: 725 đường Yên Ninh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5200209230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 03/01/2003, thay đổi lần thứ 13 ngày 09/05/2017.
 - Vốn điều lệ đăng ký: 42.429.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 42.429.000.000 đồng
- Ngành nghề: Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu
- Sản phẩm chính:
 - + Nhóm giải cảm: Cảm xuyên hương, Giải cảm Yên Bái,...
 - + Nhóm dạ dày: Bồ tì Y/B, H'Tiên YBA, Folitat dạ dày,...
 - + Nhóm thần kinh: Hoạt huyết dưỡng não, An thần Yên Bái,...
 - + Nhóm hô hấp: Thuốc ho thảo dược, Thuốc ho Hygia, Bồ phế tiêu đờm, Siro bồ phế,...
 - + Ngoài ra, công ty còn sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thuốc dùng ngoài và các sản phẩm khác.
- Vốn góp của DBT tại Ypharco: 34.854.700.000 đồng
- Tỷ lệ CP của DBT tại Ypharco: 82,15% Vốn điều lệ.

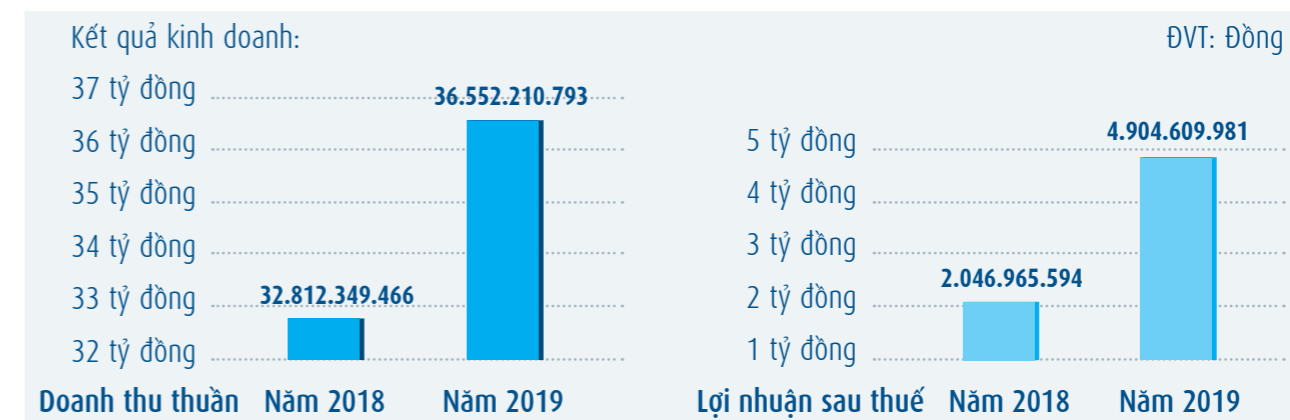


Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 của CTCP Dược phẩm Yên Bái

CÔNG TY CỔ PHẦN VẮC XIN VÀ SINH PHẨM NHA TRANG

(Công ty con)

- Địa chỉ: 26 Hàn Thuyên, P. Xương Huân, Tp. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: Số 4200451832 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 13/07/2011, cấp thay đổi lần thứ 3 ngày 17/05/2017.
- Vốn điều lệ đăng ký: 85.620.000.000 đồng - Vốn điều lệ thực góp: 85.620.000.000 đồng
- Ngành nghề: Sản xuất, kinh doanh các loại vắc xin, huyết thanh và các chế phẩm sinh học dùng cho người.
- Sản phẩm chính: các sản phẩm thuốc và thực phẩm chức năng chữa men vi sinh, với các dòng sản phẩm chủ lực như EnteroGran, EnteroGolds, Biolac,...
- Vốn góp của DBT tại Biopharco: 43.666.800.000 đồng
- Tỷ lệ CP của DBT tại Biopharco: 51,00% Vốn điều lệ

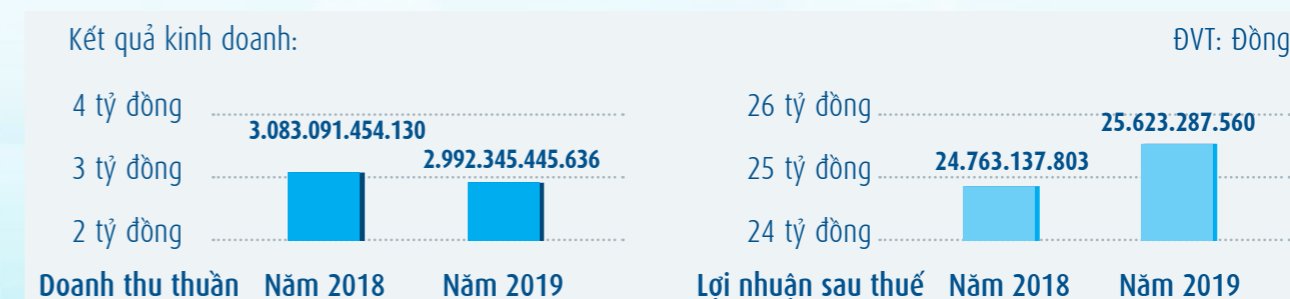


Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 của CTCP Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA

(Công ty liên kết)

- Địa chỉ: 509-515 Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300483319 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 18/08/2010, cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 15/01/2018.
- Vốn điều lệ đăng ký: 182.700.000.000 đồng - Vốn điều lệ thực góp: 182.700.000.000 đồng
- Ngành nghề: Kinh doanh dược phẩm, nguyên liệu ngành dược; kinh doanh các mặt hàng dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng.
- Sản phẩm/dịch vụ chính: nhập khẩu, phân phối dược phẩm, nguyên liệu làm thuốc, sản phẩm dinh dưỡng, thực phẩm chức năng, thiết bị y tế.
- Vốn góp của DBT tại Codupha: 42.269.500.000 đồng
- Tỷ lệ CP của DBT tại Codupha: 23,14% Vốn điều lệ



Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019 của CTCP Dược phẩm Trung ương Codupha

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

4.1. SỐ LIỆU VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA DBT VÀ HỢP NHẤT

ĐVT: tỷ đồng

3. Chỉ tiêu	Công ty mẹ				Hợp nhất			
	31.12 2018	31.12 2019	Tăng/ giảm	Tỷ lệ %	31.12 2018	31.12 2019	Tăng/ giảm	Tỷ lệ %
Tổng tài sản	543,23	654,5	111,27	120%	617,39	713,98	96,59	116%
+ TS ngắn hạn	361,96	450,5	88,54	124%	443,92	543,58	99,66	122%
+ TS dài hạn	181,27	204	22,73	113%	173,47	170,4	-3,07	98%
Nợ phải trả	372,12	472,97	100,85	127%	377,59	476,12	98,53	126%
Vốn CSH	171,11	182,53	11,42	107%	239,8	237,86	-1,94	99%

Nguồn: BCTC của DBT và BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2019

4.2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH DBT

VỀ TÀI SẢN

- Tổng tài sản 03 năm gần nhất từ 2017 – 2019 cho thấy tài sản tăng liên tục, năm 2019 tăng 111,3 tỷ đồng, tương đương 20,5% so với 2018, năm 2018 tăng 8,4 tỷ đồng, tương đương 1,5% so với năm 2017; năm 2017 tăng 79,9 tỷ đồng, tương đương 17,6% so với năm 2016. Xét về mức biến động, năm 2019 có sự gia tăng đáng kể về tài sản ngắn hạn tương đương 88,6 tỷ đồng và tài sản dài hạn tương đương 22,7 tỷ đồng; cụ thể tài sản ngắn hạn tập trung ở hàng tồn kho do đối tác giao lại quyền phân phối một số mặt hàng nhập khẩu đang có thị trường cho Bepharco hiện có hệ thống phân phối đủ lớn; tài sản dài hạn tăng do tập trung gia tăng tỷ lệ đầu tư vào công ty con để nắm quyền quyết định kinh doanh các mặt hàng sản xuất trong nước.

VỀ NGUỒN VỐN

- Khối tài sản tại ngày 31/12/2019 nêu trên được đầu tư bởi nguồn vốn chủ hơn 182,5 tỷ đồng, từ lợi nhuận để lại và các quỹ; nguồn nợ phải trả hơn 471,9 tỷ đồng, tăng 99,8 tỷ đồng, tương đương tăng hơn 26,8% so với đầu năm.

- Chỉ số nợ trên vốn chủ của công ty là 2,58, chỉ số này cho thấy vốn chủ cũng chưa cải thiện nhiều, cần cơ cấu lại danh mục tài sản và các khoản đầu tư đủ sức trang trải cho các khoản nợ tốt hơn; hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2019 là 1,17 và hệ số thanh toán nhanh là 0,54 giảm so với năm 2018, mặc dù hệ số thanh toán nhanh nhỏ hơn 1, nhưng xét thấy khả năng thu hồi công nợ của Công ty vẫn đảm bảo dòng tiền về để chi trả các khoản nợ ngắn hạn tương đối tốt.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

- Năm 2019, dòng tiền thu từ hoạt động kinh doanh giảm mạnh là do các biến động về lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính, từ các khoản phải thu, các hoạt động đầu tư. Với hoạt động kinh doanh chính là do doanh số các nguồn hàng giảm làm ảnh hưởng đến tỷ lệ lãi gộp chung, các khoản phải thu là do tỷ trọng nợ của các đối tượng nợ hệ điều trị thanh toán từ ngân sách nhà nước, mặt khác nhằm để kích cầu cũng làm gia tăng chi phí khuyến mãi, quảng cáo; về hoạt động đầu tư, dòng tiền thu được từ cổ tức và lợi nhuận được chia cũng sụt giảm do tình hình khó khăn chung; về hoạt động tài chính, dòng tiền tăng từ nguồn vốn vay để thanh toán cho các khoản phải trả do nhập hàng số lượng lớn vào cuối năm.

- Số dư tiền năm 2019 có xu hướng giảm so với cùng kỳ chủ yếu là từ dòng tiền hoạt động kinh doanh chính, một phần cũng do nguồn thu từ các hoạt động đầu tư tài chính không như dự kiến do tình hình chung của ngành Dược.

Công ty sẽ rà soát lại và tập trung các hoạt động kinh doanh chính để tăng nguồn thu, phòng ngừa rủi ro, cải thiện dòng tiền ngày càng tốt hơn.

4.3. VỀ SỐ LIỆU TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cấu trúc công ty hiện nay gồm Công ty mẹ và 02 công ty con, cùng 01 Công ty liên kết; tỷ lệ sở hữu tại Biopharco là 51%, Ypharco là 82,15% và Codupha là 23,14%.

Trên báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán cũng trình bày chi tiết về giá trị hợp lý của các tài sản, nợ phải trả, lợi thế thương mại của Công ty con,... Nhìn chung, trong năm tài chính, cũng như đã phân tích nêu trên, Công ty đã cơ cấu lại và đầu tư nâng tỷ lệ vốn góp chi phối vào các công ty con trên 51% so với cùng kỳ và tiến hành thoái vốn hay cơ cấu lại danh mục tài sản bổ sung vốn lưu động, đầu tư trái phiếu nhằm nâng cao tỷ suất sinh lời cho hoạt động kinh doanh.

4.4. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

I	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
1	Khả năng thanh toán ngắn hạn	lần	1,18	1,17
2	Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,72	0,54
II	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
1	Hệ số nợ/Tổng tài sản	lần	0,61	0,67
2	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	1,57	2,00
III	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
1	Vòng quay hàng tồn kho	lần	3,37	2,58
2	Vòng quay tổng tài sản	lần	1,26	1,18
IV	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
1	Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	2,73	3,26
2	ROE	%	11,25	12,13
3	ROA	%	3,43	3,85
4	Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/DTT	%	2,30	3,68

Nguồn: Tổng hợp dựa trên BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2019 và năm 2018

Khả năng thanh toán

Chỉ số này cho thấy khả năng thanh khoản của một doanh nghiệp, là chỉ tiêu để công ty có thể theo dõi tình trạng tài chính trong ngắn hạn. Chỉ tiêu thanh toán ngắn hạn năm 2019 đạt 1,17 cho thấy khả năng thanh toán của Công ty vẫn được duy trì. Tuy nhiên, để đảm bảo đủ nguồn vốn bù đắp cho hoạt động sản xuất kinh doanh nên việc gia tăng nợ vay ngắn hạn tài trợ cho việc nhập khẩu dược phẩm, tích trữ hàng tồn kho đã làm cho hệ số thanh toán nhanh có phần sụt giảm từ 0,72 xuống còn 0,54.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Do đặc thù của ngành thương mại dược phẩm cần nguồn vốn xoay vòng lớn để tồn kho hàng hóa cung ứng cho các khách hàng nên các công ty thương mại thường dùng đòn bẩy tài chính cao và DBT cũng không ngoại lệ. Tổng nợ

phải trả năm 2019 theo số liệu hợp nhất là hơn 476 tỷ đồng, tăng 26,09% so với cùng kỳ năm 2018. Điều này đã làm cho hệ số nợ/vốn chủ sở hữu tăng từ 1,57 lần lên gấp đôi. Song song với việc huy động vốn từ nợ vay, DBT đã thực hiện chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho các nhà đầu tư chiến lược để đáp ứng phần nào cho các nhu cầu tài chính. Công ty dự định tiếp tục huy động vốn theo hình thức chào bán cổ phiếu, trái phiếu nhằm nâng cao năng lực tài chính của Công ty trong thời gian tới.

Chỉ tiêu về Năng lực hoạt động

Chỉ số về năng lực hoạt động của Công ty có xu hướng giảm trong năm 2019. Việc ảnh hưởng từ các chính sách đấu thầu thay đổi và ảnh hưởng từ các yếu tố đặc thù ngành khiến lượng hàng tồn kho của Công ty tăng cao trong khi giá vốn đầu vào không thay đổi khiến vòng quay hàng tồn kho giảm từ 3,37 lần xuống còn 2,58 lần. Hàng tồn kho tăng cao kéo tổng tài sản tăng hơn 15% nhưng không mang về doanh thu tương xứng đã khiến hiệu suất sử dụng tài sản giảm từ 1,26 lần xuống còn 1,18 lần.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Mặc dù có nhiều khó khăn tác động đến Công ty trong năm 2019, nhưng với việc tiết giảm chi phí quản lý, chi phí tài chính một cách hiệu quả đã giúp cho các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty được cải thiện. Cụ thể, chi phí tài chính giảm 12%, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 10% đã giúp cho lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đạt hơn 28 tỷ đồng, tăng 61% và lợi nhuận sau thuế đạt hơn 25 tỷ đồng, tăng 21% so với năm 2018. Đây là tín hiệu khả quan trong việc cải thiện hiệu quả kinh doanh, ứng phó với các khó khăn đặc thù ngành.



5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

5.1. THÔNG TIN CỔ PHIẾU DBT

- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng
- Tổng số chứng khoán niêm yết: 13.528.814 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành:
 - + Số lượng CP bị hạn chế chuyển nhượng: 1.214.320 cổ phiếu
 - + Lý do: Phát hành riêng lẻ cho Nhà đầu tư chiến lược theo báo cáo kết quả chào bán riêng lẻ số 1097/19/BC-DBT ngày 15/8/2019 và công văn số 5501/UBCK-QLCB của Ủy ban chứng khoán Nhà nước thông báo nhận được báo cáo kết quả chào bán riêng lẻ của Công ty CP Dược phẩm Bến Tre.
 - + Ngày bắt đầu hạn chế chuyển nhượng: 15/08/2019
 - + Ngày kết thúc hạn chế chuyển nhượng: 15/08/2020
 - + Danh sách cổ đông bị hạn chế chuyển nhượng:

STT	Họ tên	CMND	Số lượng CP bị hạn chế chuyển nhượng
1	Lê Cộng Hòa	022645685	609.400
2	Lê Trung Hiếu	024415163	72.730
3	Nguyễn Đình Tú	225345452	532.190
Tổng cộng		1.214.320	

Nguồn: Danh sách cổ đông của DBT tại thời điểm ngày 20/3/2020

5.2. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	506	13.037.247	96,37
1	Cổ đông tổ chức	7	88.064	0,65
2	Cổ đông cá nhân	499	12.949.183	95,72
II	Cổ đông nước ngoài	24	491.567	3,63
1	Cổ đông tổ chức	11	461.690	3,41
2	Cổ đông cá nhân	13	29.877	0,22
Tổng cộng		530	13.528.814	100

Nguồn: Danh sách cổ đông của DBT tại thời điểm ngày 20/03/2020

5.3. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NĂM GIỮ TRÊN 5% VỐN ĐIỀU LỆ

STT	Tên cổ đông	Số CMND/CCCD/ ĐKDN	Số lượng CP năm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ (%)
1	Đậu Thị Thúy Mai	040179000078	2.015.734	14,90%
2	Lê Thị Trúc Linh	046186000317 024115348	1.915.383	14,16%
3	Lê Văn Minh	025260154	1.453.298	10,74%
4	Phạm Thứ Triệu	025898930	1.038.965	7,68%
	Cộng		6.423.380	47,48%

Nguồn: Danh sách cổ đông ngày 20/3/2020 của CTCP Dược phẩm Bến Tre

5.4. TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

- Trong năm 2019, Công ty thực hiện 01 đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ.
- Tên Cổ phiếu chào bán: Cổ phiếu Công ty cổ phần Dược phẩm Bến Tre
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán: 1.214.320 cổ phiếu
- Tổng số lượng vốn huy động: 12.143.200.000 đồng
- Ngày bắt đầu chào bán: 15/07/2019
- Ngày hoàn thành đợt chào bán: 15/08/2019.

5.5. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ: Không có.

5.6. CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC: Không có.

6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

- Trong năm, Công ty tiêu thụ gần 300.000 kwh điện và 5.000 m³ nước để phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh tại trụ sở, trên tinh thần tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường và nâng cao hiệu quả trong kinh doanh.
- Công tác xử lý chất thải luôn được Công ty chấp hành tốt các quy định về bảo vệ môi trường, ký kết hợp đồng với Công ty xử lý chất thải môi trường để định kỳ tiến hành thu gom và xử lý chất thải theo quy định.
- Qua các đợt kiểm tra, đánh giá việc chấp hành các quy định về an toàn vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường của các cơ quan ban ngành, Công ty luôn đảm bảo tốt các yêu cầu quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, giữ gìn cơ quan xanh sạch đẹp.
- Nhằm chia sẻ những thành quả đạt được cho những hoàn cảnh khó khăn, các hoạt động cộng đồng, xã hội, HĐQT Công ty luôn quan tâm các hoạt động tài trợ, khám chữa bệnh từ thiện, cấp phát thuốc cho bệnh nhân nghèo, ủng hộ quỹ vì người nghèo, quỹ đền ơn đáp nghĩa, phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam Anh hùng...





3

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

1.1. TÌNH HÌNH CHUNG

Năm 2019 là năm đầu tiên của nhiệm kỳ mới Hội đồng Quản trị, Công ty đã triển khai các kế hoạch kinh doanh dựa trên Nghị quyết ĐHCĐ và HĐQT nhiệm kỳ 2019-2023 đã đề ra, các nội dung chính đã và đang triển khai như sau:

- Là năm đầu tiên thực hiện tái cấu trúc toàn diện từ Công ty mẹ đến các Công ty con, từ HĐQT đến các đơn vị trực thuộc, bước đầu đã triển khai đúng kế hoạch, định hướng và Ban điều hành sẽ tiếp tục thực hiện xuyên suốt và song song cho những năm tiếp theo.

- Triển khai cơ cấu lại mô hình kinh doanh từ khâu phân phối đến khâu sản xuất, chủ trương chung là tập trung triển khai mạng phân phối tại Công ty mẹ theo mô hình chuyên sâu trong và ngoài hệ điều trị, triển khai trên khắp 63 tỉnh thành, tương ứng các phòng ban, đơn vị trực thuộc sẽ được cơ cấu lại phục vụ cho mô hình kinh doanh này.

- Tập trung cơ cấu khối sản xuất, bố trí hợp lý, đào tạo bổ sung nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu hoạt động trong tình hình mới, cũng như tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường.

- Song song đó, tiếp tục duy trì, thiết lập các mối quan hệ đối tác mới để đảm bảo đủ nguồn hàng, đạt chất lượng, đa dạng hàng hóa phục vụ sản xuất kinh doanh.

- Năm 2019 vừa qua, cũng là năm có nhiều cơ chế chính sách đã được Nhà nước ban hành áp dụng, việc này đã tác động rất lớn đến tình hình kinh doanh, từ khâu đăng ký, đấu thầu cũng như các lĩnh vực kinh doanh khác, kéo theo đó là những cơ hội và thách thức từ chính hiện trạng của Bepharco, đó cũng chính là lý do buộc chúng ta phải tiếp tục thay đổi, hoàn chỉnh mục tiêu, chiến lược trong thời gian tới.

1.2. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH

- Sản phẩm chính trong kinh doanh của Công ty chủ yếu là 02 nguồn hàng chính là hàng sản xuất và hàng nhập khẩu:

+ **Nguồn hàng sản xuất:** do nhà máy Bepharco và 02 Công ty con (Biopharco, Ypharco) sản xuất.

Trong năm 2019, nhà máy của Bepharco đã được tái chứng nhận GMP, tiếp tục rà soát đăng ký bổ sung hoàn chỉnh các sản phẩm thuốc nước, khai thác tối đa công suất của nhà máy, để phục vụ mục tiêu tập trung bán hàng sản xuất.

Nhà máy Biopharco chuyên sản xuất vắc xin, sinh phẩm và nhà máy Ypharco chuyên sản xuất các sản phẩm đông được, hiện 2 nhà máy đang nộp hồ sơ xin cấp số đăng ký tổng cộng hơn 30 mặt hàng, dự kiến trong năm 2020 sẽ được cấp số đăng ký để đưa vào sản xuất tập trung.

Bên cạnh đó còn có nguồn hàng gia công, hàng từ các nhà sản xuất trong nước như Meyer-BPC, Vidipha...

+ **Nguồn hàng nhập khẩu:**

Công ty nhập khẩu trực tiếp từ các đối tác tại Châu Âu như: Gedeon Richter, Egis Pharmaceuticals, Raptakos, Sarnavita, Cadilla...

Trong năm 2019, Bepharco phối hợp cùng Richter tổ chức nhiều Hội thảo chuyên đề thiết thực, tổ chức Hội nghị khách hàng, được sự ủng hộ nhiệt tình các chuyên gia y tế đầu ngành, với sự tham dự đông đảo của khách hàng trên khắp các tỉnh, thành.

Năm 2019, Công ty triển khai phân phối thêm các nhóm thực phẩm chức năng, trang thiết bị y tế.

- Hàng hóa công ty phân phối trải rộng trên 63 tỉnh, thành phố. Mạng lưới phân phối được chia thành 03 vùng (Bắc, Trung, Nam), quản lý và điều hành bởi 7 đơn vị trực thuộc: Chi nhánh TPHCM, Chi nhánh Hà Nội, Chi nhánh Đà Nẵng, Chi nhánh Cần Thơ, Chi nhánh Khánh Hòa, Chi nhánh Ninh Bình và Phòng Kinh doanh tại Bến Tre.

- Các sản phẩm của Công ty được phân phối đến gần 20.000 khách hàng, tăng gần 50% so với năm 2018, trong năm tập trung phát triển mở rộng nhóm khách hàng phòng khám, phòng mạch.

- Năm 2019, Công ty tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản lý và phân phối theo hướng tập trung chuyên sâu theo 02 kênh phân phối trong và ngoài hệ điều trị (OTC, ETC), bước đầu nâng cao hiệu quả quản lý và công tác bán hàng.

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

2.1. NỢ PHẢI TRẢ

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019
I	Nợ ngắn hạn	377.218.348.991	466.570.466.511
1	Phải trả người bán ngắn hạn	130.527.338.039	135.573.039.969
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	313.596.509	491.732.713
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.750.210.936	4.558.071.588
4	Phải trả người lao động	3.090.652.939	3.133.546.332
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	2.237.561.632	18.563.313
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	163.636.364	180.000.000
7	Phải trả ngắn hạn khác	11.013.001.198	4.409.324.211
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	221.179.857.027	317.506.537.769
9	Quỹ khen thưởng phúc lợi	3.942.494.347	699.650.616
II	Nợ dài hạn	373.344.917	9.549.669.869
1	Phải trả người bán dài hạn	-	-
2	Phải trả dài hạn khác	93.000.000	130.500.000
3	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	8.821.647.000
4	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	280.344.917	597.522.869
NỢ PHẢI TRẢ		377.591.693.908	476.120.136.380

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2019 của CTCP Dược Phẩm Bến Tre

Tính đến thời điểm 31/12/2019, tổng nợ ngắn hạn gần 467 tỷ đồng, tăng 24% so với năm 2018, trong đó vay ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn và không có nợ quá hạn chưa thanh toán. Công ty chủ yếu vay ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của công ty.

2.2. CÁC KHOẢN PHẢI THU

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	178.818.739.655	157.051.575.568
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	154.910.567.757	133.536.655.299
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	3.376.230.895	1.944.869.042
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	10.000.000.000
4	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	21.874.144.911	12.480.535.881
5	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(1.342.203.908)	(910.484.654)
6	Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
II	Các khoản phải thu dài hạn	2.478.739.140	3.777.275.515
1	Phải thu dài hạn khách hàng	-	-
2	Phải thu dài hạn khác	2.478.739.140	3.777.275.515
KHOẢN PHẢI THU		181.297.478.795	160.828.851.083

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2019 và BCTC hợp nhất quý I/2020

Khoản phải thu năm 2019 là 157 tỷ đồng, giảm 12,2% so với cùng kỳ, khoản phải thu ngắn hạn các khách hàng chiếm tỷ trọng chi phối khoản 85% tổng khoản phải thu ngắn hạn. Với các chương trình kích cầu bán hàng kênh OTC, và các hợp đồng trúng thầu lớn vào hệ điều trị làm gia tăng thị phần, đưa đến các khoản phải thu khách hàng của hệ điều trị luôn duy trì c như các năm qua.

3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- Trong năm Công ty đã tổ chức đào tạo cho đội ngũ bán hàng và cấp quản lý cơ sở, nhằm trang bị những kỹ năng bán hàng chuyên nghiệp, đáp ứng nhu cầu kinh doanh trong tình hình mới.

- Tổng số nhân sự tại Công ty mẹ gồm 378 người, trong đó:

- + Trực tiếp sản xuất: 31 người.
- + Trực tiếp bán hàng: 220 người.
- + Gián tiếp, hỗ trợ: 127 người.

- Tổng số nhân sự toàn hệ thống gồm 591 người, trong đó:

- + Trực tiếp sản xuất: 115 người.
- + Trực tiếp bán hàng: 272 người.
- + Gián tiếp, hỗ trợ: 204 người.

- Trong năm 2019, Bepharco đã liên tục tăng cường nhân sự cho khối hỗ trợ như đấu thầu, xuất nhập khẩu, marketing để đáp ứng nhu cầu đa dạng hàng hóa, mở rộng thị trường.

- Chế độ chính sách cho người lao động:

+ Thực hiện cơ cấu lại tiền lương, tiền thưởng hợp lý dựa trên năng lực cá nhân và doanh số thực hiện gắn với hiệu quả kinh doanh của đơn vị.

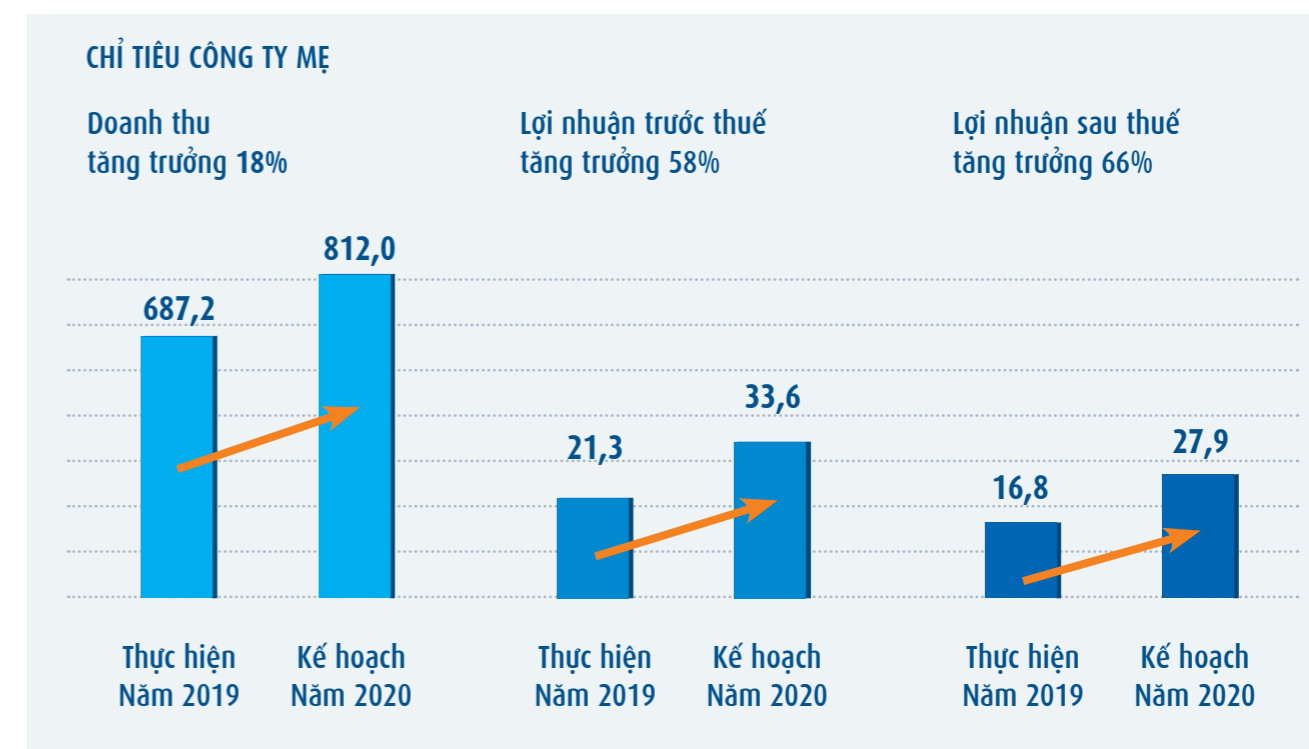
+ Các chế độ chính sách có liên quan đến người lao động luôn được Ban Tổng Giám đốc Công ty quan tâm, thực hiện đúng qui định và cam kết trong Thỏa ước lao động tập thể.

+ Công tác tổ chức khám sức khỏe định kỳ, tổ chức tham quan, du lịch, tặng quà nhân ngày sinh nhật và các ngày lễ lớn trong năm luôn được duy trì, thực hiện tốt, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

- Để đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh, trong năm Công ty đã thực hiện đầu tư nâng cấp nhà xưởng, hệ thống kho tại các đơn vị trực thuộc, trang bị kho lạnh, tủ mát để bảo quản thuốc, đáp ứng nhu cầu hàng hóa tại 03 miền Bắc - Trung - Nam.

- Đầu tư thêm hệ thống xe tải, xe lạnh, xe ô tô 7 chỗ để phục vụ nhu cầu vận chuyển hàng hóa và nhu cầu công tác cho khối kinh doanh.

4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI



- Tiếp tục triển khai đầu tư, nghiên cứu, đăng ký những sản phẩm mới, dựa trên nhu cầu thị trường cũng như kết quả khảo sát từ quá trình kinh doanh.

- Đẩy mạnh tìm kiếm đối tác hợp tác sản xuất trong và ngoài nước, mục tiêu đưa vào thị trường nhiều sản phẩm mới phù hợp chiến lược kinh doanh.

- Triển khai đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ bán hàng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu kinh doanh trong tình hình mới.

- Thành lập Chi nhánh tại Yên Bái, dựa trên việc cơ cấu nguồn lực từ Phòng Kinh doanh Ypharco và nhân sự của Bepharco, nhằm phát triển chuyên sâu hoạt động kinh doanh vùng Tây Bắc.

- Tiếp tục cơ cấu lại một số phòng ban chuyên môn, nâng cao vai trò, chức năng từ khâu sản xuất đến hỗ trợ và phân phối.

- Triển khai đầu tư nâng cấp, xây dựng bộ nhận diện thương hiệu từ Công ty mẹ đến các Công ty con, từ công tác truyền thông đến mẫu mã sản phẩm, thể hiện sự đồng bộ, tính chuyên nghiệp, theo kịp xu thế thị trường.

- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản trị kinh doanh, quản lý bán hàng.

4

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các hoạt động của Công ty và hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Ban Tổng Giám đốc Công ty đã triển khai thực hiện các nghị quyết và ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị theo đúng yêu cầu, mục đích, từng bước đưa Công ty hoạt động ổn định và theo đúng định hướng của Hội đồng quản trị, Đại hội Cổ đông đã đề ra.
- Ban Tổng Giám đốc Công ty đã nỗ lực để triển khai thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh do Đại hội Cổ đông đề ra, doanh thu đạt 684 tỷ đồng, đạt 94% kế hoạch và chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận trước thuế đạt 20,4 tỷ đồng, đạt 66,4% kế hoạch. Nguyên nhân chính gồm có:
 - + Trong năm 2019, có sự thay đổi về chỉ định điều trị với một số thuốc chủ lực của DBT, làm cho việc bù doanh thu với các loại thuốc hiện tại chưa kịp thời.
 - + Doanh thu của nhóm hàng sản xuất chưa được đẩy mạnh tại một số chi nhánh, dẫn tới việc thay đổi cơ cấu nhóm hàng ảnh hưởng việc bổ sung các hàng hóa lưu thông chưa kịp thời từ hàng hóa sản xuất.
 - + Một số mặt hàng chủ lực không đủ hàng do đối tác không kịp sản xuất.
- HĐQT đánh giá cao vai trò của Ban Tổng Giám đốc đã nỗ lực thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh trong điều kiện kinh doanh của thị trường ngày càng khó khăn.
- Trong công tác điều hành, Ban Tổng Giám đốc đã kịp thời báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh Công ty để Hội đồng Quản trị nhận định, đánh giá và có sự hỗ trợ, chỉ đạo kịp thời.
- Đã thực hiện cơ cấu sắp xếp lại nhân sự một số phòng ban chức năng, cơ cấu quản lý các lĩnh vực chuyên môn theo hệ thống dọc từ Công ty đến các đơn vị trực thuộc, đảm bảo nhu cầu hoạt động và phát triển của Công ty.
- Công tác đầu tư nghiên cứu sản xuất những sản phẩm mới, cũng như công tác nghiên cứu, đánh giá và mở rộng thị trường chưa được triển khai thực hiện đạt mức kỳ vọng của Hội đồng quản trị.

2. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2.1. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH, KINH DOANH

3. Chỉ tiêu	ĐVT	Công ty mẹ			Hợp nhất		
		Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	% so với TH 2019	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	% so với TH 2019
Doanh thu	Tỷ đồng	687,2	812,0	118,2%	793,6	912,0	115,0%
LN trước thuế	Tỷ đồng	21,3	33,6	157,7%	31,1	37,8	121,5%
LN sau thuế	Tỷ đồng	16,8	27,9	166,1%	25,6	31,3	122,2%
Cổ tức	%	10%	10% (*)	100,0%			

(*) chia cổ tức trên vốn điều lệ sau các đợt phát hành cổ phiếu trong năm 2020.

Một số chỉ tiêu chủ yếu tạo cơ cấu chuyển đổi của DBT được cân đối và hiệu quả hơn.

- Tỷ trọng doanh thu hàng sản xuất (Ypharco, Biopharco, Nhà máy sản xuất Bepharco và bao gồm nguồn hàng từ nhà máy Meyer-BPC) đạt trên 22%.
- Tăng vòng quay hàng hóa và giảm tỷ lệ nợ vay trên vốn điều lệ xuống dưới 2 lần.
- rà soát các nhóm thuốc và thực hiện tạo lập lại danh mục thuốc hiệu quả. Phân cấp quản lý và giao kế hoạch xuống các chi nhánh, chi tiết cho cả hàng hóa OTC và ETC. Triển khai thực hiện đồng bộ việc trả lương và thưởng đối với tất cả CBCNV bán hàng gắn với kết quả lao động là chính.
- Thực hiện tái cấu trúc hệ thống đồng bộ để đảm bảo ngày càng có các chi nhánh lớn ở các thành phố lớn. Thực hiện đưa doanh thu OTC hướng đến tỷ lệ 60%. Triển khai kênh bán hàng là các Phòng khám. Đây là kênh bán hàng quan trọng trong tương lai, đặt mục tiêu phủ kín các phòng khám tại Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng. Tỷ lệ doanh thu từ khách hàng là Phòng khám trong nhóm OTC là trên 10%.
- Thực hiện thống nhất, đồng bộ mối quan hệ với các đối tác nước ngoài, đối tác lâu dài và chiến lược của Bepharco. Trao đổi thường xuyên với các đối tác về công tác bán hàng, thúc đẩy bán hàng và các khó khăn cụ thể để cùng phối hợp giải quyết. Mở rộng ít nhất 2 khách hàng nhập khẩu mới.

2.2. CÔNG TÁC TỔ CHỨC, NHÂN SỰ

- Tăng cường hợp tác với các đối tác, chuyên gia trong ngành để tiếp tục mở rộng sản phẩm chủ lực, đặc biệt là nhóm hàng sản xuất và nhập khẩu trực tiếp.
- Thành lập Chi nhánh tại Yên Bái để mở rộng thị trường phía Tây Bắc.
- Tiếp tục cơ cấu nhân sự phù hợp nhu cầu chuyên môn nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và điều hành theo hướng tập trung chuyên sâu. Quản lý nhân sự theo hướng: Bán buôn sẽ tập trung điều hành từ Hội sở chính. Bán lẻ sẽ tập trung điều hành theo khu vực.
- Triển khai áp dụng đồng bộ việc chi trả lương theo mức độ hoàn thành công việc cho từng vị trí chức danh theo hệ thống KPI, nhằm tăng hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

2.3. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

- Thực hiện kế hoạch phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, phát hành trái phiếu nhằm bổ sung nguồn vốn kinh doanh, đáp ứng nhu cầu mở rộng thị trường, tạo sự ổn định nguồn vốn kinh doanh trong thời gian tới.
- Tiếp tục nâng tỷ lệ sở hữu tại các công ty con để chủ động trong sản xuất kinh doanh theo lộ trình thích hợp. Triển khai đầu tư mở rộng nhà máy tại các công ty con để tận dụng hiệu quả lợi thế theo quy mô và mở rộng sang nhóm sản phẩm khác.
- Định hướng cơ cấu nhóm sản xuất thành những Công ty con bao gồm công ty con tại Bến Tre và thành lập công ty con hoặc văn phòng đại diện tại nước ngoài để đáp ứng nhu cầu đa dạng hàng hóa, mở rộng kinh doanh.
- Tiếp tục hoàn thiện mô hình Công ty mẹ tập trung phân phối.
- Tăng cường đầu tư hệ thống kho tại Bepharco và các chi nhánh trực thuộc, cũng như hệ thống Logistic để phục vụ cho việc kinh doanh của Công ty và làm dịch vụ cho các đơn vị khác trong ngành.



5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị
Hoạt động của Hội đồng quản trị

1. HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2.1. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

- Thực hiện chủ trương của Hội đồng quản trị: tiến hành phối hợp Ban Tổng Giám đốc, Phòng Tài chính Kế toán và các phòng ban chức năng trong công ty lên kế hoạch và thực hiện việc kiểm tra, giám sát thường xuyên việc chấp hành, tuân thủ những quy định của pháp luật, những quy định của công ty có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc công ty.

- Xem xét, rà soát, kiểm tra việc chấp hành chế độ hạch toán kế toán, quản lý tài sản của công ty; các báo cáo của kiểm toán độc lập để có những ý kiến nhận xét, kiến nghị về những vấn đề kiểm soát nội bộ.

2.2. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN THƯ KÝ

- Thực hiện công bố thông tin bất thường và định kỳ theo yêu cầu của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Ủy ban chứng khoán Nhà nước đúng thời gian qui định.

- Thực hiện ghi chép, lưu trữ các biên bản họp Hội đồng quản trị.

- Tổ chức thành công đại hội cổ đông thường niên cho năm tài chính 2018 vào tháng 4/2019.

- Hoàn tất hồ sơ chi trả cổ tức năm 2019 bằng tiền, phát hành cổ phiếu riêng lẻ.

2. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2019, HĐQT đã thực hiện 22 cuộc họp, ban hành 32 nghị quyết, tất cả thành viên HĐQT đều tham dự họp đạt tỷ lệ tham dự theo qui định. Tất cả các cuộc họp đều có sự tham dự của thành viên Ban KTNB.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1.	Ông Lê Văn Minh	Chủ tịch	22/22	100%
2.	Ông Vũ Quang Đông	Phó Chủ tịch	22/22	100%
3.	Ông Phạm Thứ Triệu	Thành viên	22/22	100%
4.	Ông Võ Minh Tân	Thành viên	22/22	100%
5.	Ông Nguyễn Khắc Hanh	Thành viên	22/22	100%
6.	Ông Nguyễn Hoàng Sơn	Thành viên	22/22	100%
7.	Ông Lê Vinh Danh	Thành viên	13/22	59% (*)

(*) Bận công tác xa nên không tham dự họp, đã thống nhất qua điện thoại

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/03.01/NQ-HĐQT	03.01.2019	Thống nhất tái bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty
2	02/03.01/NQ-HĐQT	03.01.2019	Thống nhất phân quyền 02 người đại diện pháp luật
3	03/03.01/NQ-HĐQT	03.01.2019	Thống nhất phân quyền các thành viên HĐQT
4	-	07.01.2019	Thống nhất trích quỹ lương năm 2018
5	-	26.02.2019	Thống nhất hợp chốt danh sách tham dự ĐHCĐ thường niên năm tài chính 2018
6	-	05.03.2019	Thống nhất vay vốn tại Ngân hàng MB
7	01/05.03/19/NQ-HĐQT	05.03.2019	Thống nhất dự kiến kế hoạch kinh doanh năm 2019 để trình ĐHCĐ năm tài chính 2018 thông qua
8	02/05.03/19/NQ-HĐQT	05.03.2019	Thống nhất các nội dung trình ĐHCĐ năm tài chính 2018
9	03/05.03/19/NQ-HĐQT	05.03.2019	Thống nhất kế hoạch công tác thời gian tới
10	04/05.03/19/NQ-HĐQT	05.03.2019	Dự kiến kế hoạch chi trả xây dựng cách chi trả lương mới
11	01/08.4/19/NQ-HĐQT	08.04.2019	Thống nhất bổ sung ngành nghề kinh doanh
12	-	20.04.2019	Họp phiên thử nhất bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị
13	-	23.04.2019	Thống nhất bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty nhiệm kỳ mới 2019-2023
14	-	23.04.2019	Thống nhất kế hoạch công tác thời gian tới
15	-	24.04.2019	Thống nhất phân công nhiệm vụ thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới 2019-2023
16	-	24.04.2019	Thống nhất phân quyền 02 người đại diện pháp luật
17	-	09.05.2019	Thống nhất phê chuẩn giới hạn tín dụng năm 2019 tại Vietinbank
18	-	10.05.2019	Thống nhất trong cuộc họp cùng Ban TGD triển khai kế hoạch hoạt động 6 tháng cuối năm
19	-	21.06.2019	Thống nhất vay vốn tại Ngân hàng Techcombank
20	-	22.07.2019	Thống nhất nâng tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre (Bepharco) tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái (Ypharco)

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
21		30.07.2019	Thống nhất các nội dung kế hoạch công tác 6 tháng cuối năm 2019
22	01/15.08/NQ-HĐQT	15.08.2019	Thống nhất điều chỉnh phân quyền cho các Thành viên HĐQT
23	02/15.08/NQ-HĐQT	15.08.2019	Thống nhất điều chỉnh phân quyền cho 02 người đại diện pháp luật
24	03/15.08/NQ-HĐQT	15.08.2019	Thống nhất thành lập Phòng Đăng ký thuế và bổ nhiệm cán bộ quản lý
25	01/11.09/NQ-HĐQT	11.09.2019	Thống nhất sửa đổi Điều lệ và điều chỉnh Giấy CN ĐKDN do thay đổi vốn điều lệ
26	01/11.09/NQ-HĐQT	11.09.2019	Thống nhất bổ sung ngành nghề kinh doanh theo Nghị quyết ĐHCĐ đã thông qua
27		16.09.2019	Thống nhất vay vốn tại Ngân hàng MB Chi nhánh Bến Tre
28	01/11.10/NQ-HĐQT	11.10.2019	Thống nhất chi tạm ứng cổ tức năm 2019
29		16.10.2019	Thống nhất bổ nhiệm cán bộ quản lý kể từ 01.11.2019
30		28.10.2019	Thống nhất vay vốn tại Ngân hàng MB Chi nhánh Bến Tre - đợt 2
31	01/21.11/NQ-HĐQT	21.11.2019	Thống nhất kế hoạch hoạt động kinh doanh dự kiến năm 2020
32	01/14.12/NQ-HĐQT	14.12.2019	Thống nhất bổ nhiệm cán bộ quản lý kể từ 01.01.2020

3. HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

- Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi của cổ đông và của công ty.
- Thành viên Hội đồng quản trị độc lập luôn tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị nội bộ.
- Thành viên Hội đồng quản trị độc lập luôn tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị tổ chức.

4. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

- Công ty áp dụng chế độ thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm toán nội bộ theo tỷ lệ chi đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua, phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- Tiền thưởng và phúc lợi của các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty được hưởng theo chế độ chi trả tiền lương, thưởng và phúc lợi theo qui định của Công ty dành cho người lao động và theo hiệu quả kinh doanh hàng năm của Công ty.

5. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

STT	Người thực hiện giao dịch	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Lý do tăng, giảm
1	Phạm Thứ Triệu	757.707	1.038.965	Mua thêm cổ phiếu
2	Đậu Thị Thúy Mai (Vợ Ông Vũ Quang Đông)	2.348.466	2.015.734	Bán cổ phiếu
3	Hoàng Xuân An	21.354	31.354	Mua thêm cổ phiếu
4	Nguyễn Hoàng Sơn	391.250	611.250	Mua thêm cổ phiếu

Ngày 24 tháng 4 năm 2020

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
PHÓ CHỦ TỊCH**



VŨ QUANG ĐÔNG



Đường link đăng tải toàn văn Báo cáo tài chính của Công ty mẹ
<http://bepharco.com/quan-he-co-dong/>

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đính kèm Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2019
Đường link đăng tải toàn văn Báo cáo tài chính của Công ty mẹ
<http://bepharco.com/quan-he-co-dong/>

6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC PHẨM BẾN TRE

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	13 - 47
8. Phụ lục	48

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước Công ty Dược và Vật tư y tế Bến Tre theo Quyết định số 1541/QĐ-UB ngày 06 tháng 5 năm 2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1300382591 (số cũ 5503000017) đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 7 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 01 tháng 10 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre
- Điện thoại : +84 (0275) 390 0059
- Fax : +84 (0275) 382 4248
- Website : http://bepharco.com

Văn phòng điều hành tại TP. Hồ Chí Minh:

- Địa chỉ : số 11 Nguyễn Trọng Quyền, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : +84 (028) 3622 0205
- Fax : +84 (028) 3961 0613

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Hà Nội	Tầng 8, tòa nhà Văn phòng Viwaseen, đường Tố Hữu, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Ninh Bình	Số 51 đường 1B, phường Nam Thành, TP. Ninh Bình.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Đà Nẵng	Lô A3-28, A3-29, đường Nguyễn Chí Diểu, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Khánh Hòa	Thôn Hòn Nghê, đường Nguyễn Xiển, xã Vĩnh Ngọc, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Cần Thơ	Số 91/21A, đường Cách Mạng Tháng 8, phường An Thới, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại TP. Hồ Chí Minh	Số 11 Nguyễn Trọng Quyền, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre – Hiệu thuốc Trung tâm Khu vực II	Số 7 đường 29/3, khu phố 3, thị trấn Ba Tri, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn dược phẩm, dụng cụ y tế, mỹ phẩm; xuất nhập khẩu các mặt hàng thuốc thành phẩm; mua bán dược liệu; bán buôn vắc xin, sinh phẩm y tế; xuất nhập khẩu dược liệu;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất thuốc trị bệnh cho người;
- Bán buôn máy móc thiết bị y tế;
- Sản xuất nước uống đóng chai, thùng;
- Bán buôn nước uống đóng chai, thùng;

- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Cho thuê kho bãi;
- Cho thuê mặt bằng;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng bao bì, nguyên phụ liệu, hương liệu phục vụ sản xuất, hóa chất xét nghiệm, sản phẩm sinh học; mua bán thực phẩm chức năng (thực phẩm dinh dưỡng);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (chỉ phục vụ cho hoạt động vận chuyển hàng hóa của Công ty);
- Dịch vụ tư vấn quản lý (CPC 865);
- Dịch vụ quảng cáo (CPC 871), trừ quảng cáo thuốc lá;
- Cho thuê mặt bằng để kinh doanh.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Lê Văn Minh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019
Ông Phạm Thứ Triệu	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 12 năm 2014 Miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019
Ông Vũ Quang Đông	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019
Ông Võ Minh Tân	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2014 Miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019
Ông Phạm Thứ Triệu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019
Ông Võ Minh Tân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Khắc Hanh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Hoàng Sơn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019
Ông Lê Vinh Danh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019

Ban kiểm toán nội bộ

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Khắc Hanh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 5 năm 2018

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phạm Thứ Triệu	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2019
Ông Võ Minh Tân	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2014 Miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2019
Ông Võ Minh Tân	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2019 Miễn nhiệm ngày 14 tháng 01 năm 2020
Ông Nguyễn Thế Quốc Uy	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 12 năm 2018
Bà Trần Thị Thanh Phương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 12 năm 2007
Ông Hoàng Xuân An	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 02 năm 2017
Ông Triệu Văn Bảo Quốc	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 12 năm 2018

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Văn Minh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019
Ông Phạm Thứ Triệu	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2019



Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Thứ Triệu
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2020



Head Office : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970 kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam
Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869 kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam
Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806 kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam
Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996 kttv.ct@a-c.com.vn



Số: 1.0815/20/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2020, từ trang 06 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0100-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2020

Trần Thị Thùy Quyên - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1539-2018-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		543.581.411.753	443.922.030.540
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	31.784.441.041	45.955.511.248
1. Tiền	111		21.784.441.041	24.921.362.293
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	21.034.148.955
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		50.317.960.204	37.180.771.233
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	50.317.960.204	37.180.771.233
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		157.051.575.568	178.818.739.655
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	133.536.655.299	154.910.567.757
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.944.869.042	3.376.230.895
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	10.000.000.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	12.480.535.881	21.874.144.911
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(910.484.654)	(1.342.203.908)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		290.675.870.633	174.022.124.265
1. Hàng tồn kho	141	V.8	291.464.806.073	174.463.550.330
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(788.935.440)	(441.426.065)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.751.564.307	7.944.884.139
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	554.125.216	1.401.533.110
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		13.056.703.510	6.542.270.267
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.18	140.735.581	1.080.762
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		170.402.873.065	173.473.415.727
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.777.275.515	2.478.739.140
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	3.777.275.515	2.478.739.140
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		83.386.179.386	89.476.009.598
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	79.384.180.296	85.170.111.296
- Nguyên giá	222		172.941.574.026	166.244.100.812
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(93.557.393.730)	(81.073.989.516)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	4.001.999.090	4.305.898.302
- Nguyên giá	228		6.198.788.777	6.073.853.777
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.196.789.687)	(1.767.955.475)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12	-	-
- Nguyên giá	231		52.826.363	52.826.363
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(52.826.363)	(52.826.363)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.136.496.296	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	1.136.496.296	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		55.213.913.039	54.466.920.795
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	55.213.913.039	54.323.710.795
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	-	66.710.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	-	76.500.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		26.889.008.829	27.051.746.194
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	19.798.676.849	19.727.743.076
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	1.713.077.689	1.187.359.258
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.15	5.377.254.291	6.136.643.860
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		713.984.284.818	617.395.446.267

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		476.120.136.380	377.591.693.908
I. Nợ ngắn hạn	310		466.570.466.511	377.218.348.991
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	135.573.039.969	130.527.338.039
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17	491.732.713	313.596.509
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18	4.558.071.588	4.750.210.936
4. Phải trả người lao động	314	V.19	3.133.546.332	3.090.652.939
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.20	18.563.313	2.237.561.632
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		180.000.000	163.636.364
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21a, c	4.409.324.211	11.013.001.198
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.22a, c	317.506.537.769	221.179.857.027
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.23	699.650.616	3.942.494.347
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		9.549.669.869	373.344.917
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.21b, c	130.500.000	93.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22b, c	8.821.647.000	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.24	597.522.869	280.344.917
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

15/04/2020

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE


Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre


BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		237.864.148.438	239.803.752.359
I. Vốn chủ sở hữu	410		237.814.148.438	239.753.752.359
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.25	135.288.140.000	123.144.940.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		135.288.140.000	123.144.940.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.25	433.056.160	538.056.160
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.25	9.354.804.815	8.876.126.506
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.25	2.536.822.093	2.536.822.093
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.25	35.709.307.160	34.396.516.865
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		27.695.043.861	34.396.516.865
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		8.014.263.299	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.25	54.492.018.210	70.261.290.735
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		50.000.000	50.000.000
1. Nguồn kinh phí	431	V.26	50.000.000	50.000.000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		713.984.284.818	617.395.446.267


Nguyễn Thiện Nhân
Người lập


Nguyễn Thế Quốc Uy
Kế toán trưởng

Bến Tre, ngày 27 tháng 3 năm 2020


Phạm Thử Triệu
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	793.588.502.985	785.141.711.685
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	7.306.038.372	8.843.760.810
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		786.282.464.613	776.297.950.875
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	599.037.011.125	596.571.304.152
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		187.245.453.488	179.726.646.723
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	8.907.580.622	6.176.060.516
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	16.969.597.574	19.296.542.532
Trong đó: chi phí lãi vay	23		15.183.926.131	13.210.319.145
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2b	5.927.693.372	5.621.485.168
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	105.427.539.394	97.734.043.218
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	50.785.299.003	56.602.132.101
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		28.898.291.511	17.891.474.556
12. Thu nhập khác	31	VI.8	2.564.294.204	8.845.447.455
13. Chi phí khác	32	VI.9	401.647.697	735.377.871
14. Lợi nhuận khác	40		2.162.646.507	8.110.069.584
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		31.060.938.018	26.001.544.140
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.18	5.629.894.636	4.680.987.222
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.14, 24	(208.540.479)	140.881.810
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		25.639.583.861	21.179.675.108
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		22.243.899.808	19.664.018.043
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		3.395.684.053	1.515.657.065
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10a, b	1.671	1.517
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10a, b	1.671	1.517

Bến Tre, ngày 27 tháng 3 năm 2020



(Signature)
Nguyễn Thiện Nhân
Người lập

(Signature)
Nguyễn Thế Quốc Uy
Kế toán trưởng

(Signature)
Phạm Thử Triệu
Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		31.060.938.018	26.001.544.140
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10, 11, 15	14.095.146.120	13.750.437.119
- Các khoản dự phòng	03	V.7, 8	166.459.029	1.333.037.769
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	365.540.309	160.016.275
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V.2b; VI.4, 8	(10.867.095.121)	(15.848.043.842)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	15.183.926.131	13.210.319.145
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		50.004.914.486	38.607.310.606
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		10.505.165.651	(23.191.933.772)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(117.251.924.651)	6.179.563.670
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		2.572.347.645	(4.271.111.848)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(86.698.469)	(3.773.221.774)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(15.165.362.818)	(13.210.319.145)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.18	(4.668.241.898)	(3.485.930.589)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.23, 25a	(5.188.360.426)	(792.104.163)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(79.278.160.480)	(3.937.747.015)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, 11, 13, 16	(8.295.106.305)	(18.916.727.621)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		10.327.272.727	7.874.409.429
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(44.500.000.000)	(1.953.067.027)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		21.439.311.029	2.250.685.831
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(18.214.800.000)	(68.968.910)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		4.310.623.264	500.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.093.241.382	9.208.498.592
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(27.839.457.903)	(1.105.169.706)

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre


BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền (đồng)	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.25a	12.038.200.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(97.850.000)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.22a, b	697.475.786.641	538.384.848.867
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.22a, b	(592.327.458.899)	(537.127.893.089)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.21a, 25a	(24.145.231.667)	(18.425.724.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		92.943.446.075	(17.168.768.222)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(14.174.172.308)	(22.211.684.943)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	45.955.511.248	68.167.196.191
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		3.102.101	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	31.784.441.041	45.955.511.248


 Nguyễn Thiện Nhân
 Người lập


 Nguyễn Thế Quốc Uy
 Kế toán trưởng

Bến Tre, ngày 27 tháng 3 năm 2020

 Phạm Thứ Triệu
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là mua và bán dược phẩm.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 02 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn**Mua thêm vốn góp tại công ty con**

Ngày 09 tháng 8 năm 2019, Tập đoàn đã mua thêm 28,62% cổ phần của Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái, tăng tỷ lệ vốn góp tại công ty con này lên 82,15% từ ngày này. Giá mua thêm được thanh toán bằng tiền cho các cổ đông không kiểm soát. Giá trị ghi sổ của tài sản thuần của Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái (không bao gồm lợi thế thương mại) tại ngày mua là 63.219.476.199 VND, và giá trị ghi sổ của phần sở hữu mua thêm là 18.093.444.186 VND. Chênh lệch giữa giá mua với giá trị ghi sổ của phần sở hữu mua thêm được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

5b. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	725 đường Yên Ninh, phường Minh Tân, TP. Yên Bái, tỉnh Yên Bái.	Sản xuất kinh doanh dược phẩm	82,15%	53,53%	82,15%	53,53%
Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang	26 Hàn Thuyên, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.	Sản xuất kinh doanh hóa dược, dược phẩm, dược liệu	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%

5c. Danh sách công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha có trụ sở chính tại 334 Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là kinh doanh dược phẩm. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Tập đoàn tại công ty liên kết này là 23,14% (số đầu năm là 23,14%).

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 561 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 564 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Tập đoàn đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

TR
KIẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là tiền thuê đất trả trước tại văn phòng Bến Tre và chi phí sửa chữa, cải tạo kho và văn phòng. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

304
ÔN
NH
OÁ

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất tại Bến Tre mà Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (340 tháng).

Chi phí sửa chữa, cải tạo kho và văn phòng

Chi phí sửa chữa tài sản, cải tạo kho và văn phòng tại Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng tại TP. Nha Trang và tỉnh Yên Bái được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40
Máy móc và thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 35 năm đến 50 năm, quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất dùng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 6 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông Công ty mẹ.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ sau.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

1498
NG
HIỆM
IN VÀ
&
T.P

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**25. Công cụ tài chính****Tài sản tài chính**

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.686.175.796	3.094.109.653
Tiền gửi ngân hàng	20.098.265.245	21.827.252.640
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	10.000.000.000	21.034.148.955
Cộng	31.784.441.041	45.955.511.248

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	50.317.960.204	50.317.960.204	37.180.771.233	37.180.771.233
Tiền gửi có kỳ hạn ⁽ⁱ⁾	35.317.960.204	35.317.960.204	22.180.771.233	22.180.771.233
Trái phiếu ⁽ⁱⁱ⁾	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
Dài hạn	-	-	76.500.000	76.500.000
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	76.500.000	76.500.000
Cộng	50.317.960.204	50.317.960.204	37.257.271.233	37.257.271.233

(i) Trong đó, một số khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng trị giá 1.317.960.204 VND (số đầu năm là 2.257.271.233 VND) đã được cầm cố để bảo đảm cho các việc cấp bảo lãnh thực hiện hợp đồng của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre

(ii) Khoản đầu tư 1.500 trái phiếu với mệnh giá 10.000.000 VND/trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam. Số lượng trái phiếu này đã được cầm cố để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre (xem thuyết minh số V.22a).

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá gốc	48.108.225.000	48.108.225.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	7.105.688.039	6.215.485.795
Cộng	55.213.913.039	54.323.710.795

Tập đoàn nắm giữ 4.226.950 cổ phiếu, tương đương 23,14% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	54.323.710.795	54.358.546.678
Phần lãi hoặc lỗ trong năm	5.927.693.372	5.621.485.168
Cổ tức được chia trong năm	(2.958.539.524)	(5.495.035.000)
Trích lập quỹ trong năm	(1.272.480.843)	-
Các khoản khác	(806.470.761)	(161.286.051)
Số cuối năm	55.213.913.039	54.323.710.795

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha như sau:

	Năm nay	Năm trước
Mua hàng hóa	3.582.925	30.917.186
Bán hàng hóa	799.888.828	572.051.190
Cổ tức được chia	2.958.539.524	5.495.035.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu bên liên quan	184.343.715	-	225.089.994	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	184.343.715	-	225.089.994	-
Phải thu các khách hàng khác	133.352.311.584	-	154.685.477.763	-
Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu Bến Tre	4.440.913.536	-	9.121.445.642	-
Ông Phí Văn Gừng	-	-	3.300.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	-	-	7.000.000.000	-
Văn phòng Điều phối các Dự án về Dân số	5.965.050.000	-	-	-
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Yên Bái	2.874.357.486	-	5.009.433.589	-
Các khách hàng khác	120.071.990.562	-	130.254.598.532	-
Cộng	133.536.655.299	-	154.910.567.757	-

Khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng có giá trị sổ sách tại ngày kết thúc năm tài chính là 113.798.682.332 VND đã được thế chấp để làm đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tập đoàn tại các Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre, Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre và Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Long An (xem thuyết minh số V.22a).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tổng công ty Cổ phần May Việt Tiến	318.659.550	-	314.586.855	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Ánh sáng Châu Á	550.200.000	-	-	-
Hanh Ngo Inc.	82.655.145	-	82.655.145	-
Công ty Cổ phần Thương mại V.F.B	-	-	1.235.346.000	-
Ông Nguyễn Việt Hùng	-	-	850.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	993.354.347	-	893.642.895	-
Cộng	1.944.869.042	-	3.376.230.895	-

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Phải thu tiền góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Thương mại Mundus Stones (là bên liên quan) theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2019/HĐHTKD-MS ngày 12 tháng 3 năm 2019, mức lợi nhuận được chia cố định là 260.000.000 VND/quý. Thời hạn của hợp đồng là 01 năm kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2019 và được tự động gia hạn. Hợp đồng kéo dài không quá 3 năm kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Khoản phải thu này được bảo lãnh bởi Ông Vũ Quang Đông (xem thuyết minh số VII.2a).

6. Phải thu khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	615.449.888	-	830.045.352	-
Thành viên Ban điều hành - tạm ứng	60.000.000	-	42.000.000	-
Thành viên Ban điều hành - thuế thu nhập cá nhân chi hộ	390.205.444	-	312.678.352	-
Thành viên Hội đồng quản trị - thuế thu nhập cá nhân chi hộ	-	-	475.367.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Thương mại Mundus Stones - lãi dự thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	165.244.444	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	11.865.085.993	-	21.044.099.559	-
Tạm ứng	3.674.151.292	-	5.396.793.356	-
Tiền lãi ngân hàng dự thu	481.627.397	-	203.934.246	-
Tiền ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng ⁽ⁱ⁾	6.898.821.504	-	10.086.388.170	-
Ông Lê Cộng Hòa - phải thu về chuyển nhượng cổ phần	-	-	2.700.095.280	-
Ông Lê Ánh Tuấn - phải thu về chuyển nhượng cổ phần	-	-	1.300.027.984	-
Các khoản chi hộ - thuế thu nhập cá nhân	760.485.800	-	1.298.720.672	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	50.000.000	-	58.139.851	-
Cộng	12.480.535.881	-	21.874.144.911	-

(i) Các khoản ký quỹ này đã được cầm cố để bảo đảm cho việc cấp bảo lãnh thực hiện hợp đồng của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre.

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu bên liên quan	95.938.480	-	59.679.262	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Thương mại Mundus Stones - tiền đặt cọc thuê mặt bằng	95.938.480	-	59.679.262	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	3.681.337.035	-	2.419.059.878	-
Công ty Cổ phần Sơn và Chất dẻo - tiền đặt cọc thuê mặt bằng	1.140.000.000	-	1.140.000.000	-
Tiền ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng ⁽ⁱⁱ⁾	2.016.876.035	-	940.838.878	-
Tiền góp vốn vào Quỹ bảo lãnh tín dụng tỉnh Yên Bái	338.221.000	-	100.000.000	-
Ký quỹ bồi thường giải phóng mặt bằng	186.240.000	-	238.221.000	-
Cộng	3.777.275.515	-	2.478.739.140	-

(ii) Các khoản ký quỹ này đã được cầm cố để bảo đảm cho việc cấp bảo lãnh thực hiện hợp đồng của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Nợ quá hạn**

Tập đoàn có các khoản nợ phải thu khách hàng quá hạn thanh toán. Chi tiết như sau:

Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dưới 6 tháng	24.469.100.218	24.469.100.218	35.512.162.227	35.488.639.718
Từ 6 tháng đến 1 năm	4.332.796.140	4.332.796.140	2.754.555.948	2.754.555.948
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	581.025.490	557.502.981	5.702.656.421	5.263.851.202
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	904.485.996	897.400.031	829.759.958	829.759.958
Trên 3 năm	1.838.743.007	958.866.827	1.115.656.677	235.780.497
Cộng	32.126.150.851	31.215.666.197	45.914.791.231	44.572.587.323

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.342.203.908	225.447.480
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	(431.719.254)	1.116.756.428
Số cuối năm	910.484.654	1.342.203.908

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	13.112.193.956	-	13.578.860.666	-
Nguyên liệu, vật liệu	10.987.123.874	-	10.439.835.744	-
Công cụ, dụng cụ	36.896.386	-	37.158.613	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.485.277.649	-	1.614.152.113	-
Thành phẩm	1.773.791.578	-	3.303.337.843	-
Hàng hóa ⁽ⁱ⁾	263.069.522.630	(788.935.440)	145.490.205.351	(441.426.065)
Cộng	291.464.806.073	(788.935.440)	174.463.550.330	(441.426.065)

⁽ⁱ⁾ Trong đó, giá trị nguyên vật liệu chậm luân chuyển và hàng hóa tồn kho (thuốc các loại) có thời hạn sử dụng dưới 01 năm tại thời điểm kết thúc năm tài chính là 1.148.838.798 VND (số đầu năm là 932.517.942 VND).

Toàn bộ hàng hóa tồn kho là được phẩm các loại luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh với giá trị tối thiểu là 90 tỷ VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre (xem thuyết minh số V.22a).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	441.426.065	905.034.484
Trích lập dự phòng bổ sung	598.178.283	216.281.341
Xuất hủy trong năm	(250.668.908)	(679.889.760)
Số cuối năm	788.935.440	441.426.065

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**9. Chi phí trả trước****9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	401.976.185	363.701.518
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	152.149.031	1.037.831.592
Cộng	554.125.216	1.401.533.110

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất trả trước ⁽ⁱ⁾	10.728.164.075	11.137.826.837
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.255.373.635	1.216.647.016
Chi phí sửa chữa, cải tạo kho và văn phòng tại Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	5.729.823.067	6.326.061.734
Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng tại TP. Nha Trang và tỉnh Yên Bái	676.256.931	798.593.908
Chi phí tư vấn chuyển nhượng quyền phân phối sản phẩm "Cẩm Xuyên Hương dạng cốm"	1.133.333.335	-
Quyền phân phối sản phẩm "Cẩm Xuyên Hương dạng cốm"	33.333.332	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	242.392.474	248.613.581
Cộng	19.798.676.849	19.727.743.076

⁽ⁱ⁾ Trong đó, một số quyền sử dụng đất thuê tại tỉnh Bến Tre và quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Sơn - Chất dẻo có giá trị còn lại theo sổ sách là 15.214.769.183 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre và Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Bến Tre (xem thuyết minh số V.22a).

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	83.754.199.952	60.442.307.506	14.152.554.826	7.895.038.528	166.244.100.812
Mua trong năm	1.591.379.120	1.805.249.741	1.369.322.727	-	4.765.951.588
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	1.944.587.273	410.662.000	2.355.249.273
Thanh lý, nhượng bán trong năm	(44.345.699)	-	(379.381.948)	-	(423.727.647)
Số cuối năm	85.301.233.373	62.247.557.247	17.087.082.878	8.305.700.528	172.941.574.026
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	6.951.617.690	9.367.143.119	4.277.377.016	3.406.087.853	24.002.225.678
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	27.656.712.691	38.855.870.286	7.883.595.124	6.677.811.415	81.073.989.516
Khấu hao trong năm	4.817.086.739	6.352.260.035	1.190.486.974	547.088.591	12.906.922.339
Thanh lý, nhượng bán trong năm	(44.136.177)	-	(379.381.948)	-	(423.518.125)
Số cuối năm	32.429.663.253	45.208.130.321	8.694.700.150	7.224.900.006	93.557.393.730
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	56.097.487.261	21.586.437.220	6.268.959.702	1.217.227.113	85.170.111.296
Số cuối năm	52.871.570.120	17.039.426.926	8.392.382.728	1.080.800.522	79.384.180.296

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 36.483.438.174 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại các Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre, Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Bến Tre và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Yên Bái (xem thuyết minh số V.22a và V.22b).

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	4.302.988.457	1.770.865.320	6.073.853.777
Mua trong năm	-	124.935.000	124.935.000
Số cuối năm	4.302.988.457	1.895.800.320	6.198.788.777
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	150.200.000	150.200.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	782.496.962	985.458.513	1.767.955.475
Khấu hao trong năm	87.757.728	341.076.484	428.834.212
Số cuối năm	870.254.690	1.326.534.997	2.196.789.687

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	3.520.491.495	785.406.807	4.305.898.302
Số cuối năm	3.432.733.767	569.265.323	4.001.999.090

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ xử lý	-	-	-

Một số quyền sử dụng đất với giá trị còn lại theo sổ sách là 2.624.414.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Bến Tre (xem các thuyết minh số V.22a và V.22b).

12. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất
Nguyên giá	
Số đầu năm	52.826.363
Số cuối năm	52.826.363

Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	52.826.363
Số cuối năm	52.826.363

Giá trị còn lại	
Số đầu năm	-
Số cuối năm	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn là giá trị quyền sử dụng đất tại số 19 đường Đồng Khởi, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần được trình bày. Tuy nhiên, Tập đoàn hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	2.355.249.273	(2.355.249.273)	-
Xây dựng cơ bản dở dang ⁽ⁱ⁾	-	1.136.496.296	-	1.136.496.296
Cộng	-	3.491.745.569	(2.355.249.273)	1.136.496.296

⁽ⁱ⁾ Chi phí liên quan đến việc đầu tư thành lập công ty tại nước ngoài theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 ngày 20 tháng 4 năm 2019.

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến lãi của giao dịch bán hàng nội bộ trong Tập đoàn. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.187.359.258	1.047.896.151
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	525.718.431	139.463.107
Số cuối năm	1.713.077.689	1.187.359.258

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

15. Lợi thế thương mại

	Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	3.284.615.191	4.309.280.504	7.593.895.695
Số cuối năm	3.284.615.191	4.309.280.504	7.593.895.695

Số đã phân bổ			
Số đầu năm	739.038.418	718.213.417	1.457.251.835
Phân bổ trong năm	328.461.519	430.928.050	759.389.569
Số cuối năm	1.067.499.937	1.149.141.467	2.216.641.404

Giá trị còn lại			
Số đầu năm	2.545.576.773	3.591.067.087	6.136.643.860
Số cuối năm	2.217.115.254	3.160.139.037	5.377.254.291



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan	164.730	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	164.730	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	135.572.875.239	130.527.338.039
Chemical Works of Gedeon Richter Ltd.	27.095.830.059	47.149.882.009
Egis Pharmaceuticals Plc. Hungary	12.242.575.306	3.747.253.396
Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	20.934.949.763	-
Các nhà cung cấp khác ⁽ⁱ⁾	75.299.520.111	79.630.202.634
Cộng	135.573.039.969	130.527.338.039

⁽ⁱ⁾ Trong đó, khoản phải trả liên quan đến mua sắm tài sản cố định là 87.525.852 VND (số đầu năm là 0 VND).

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công Ty TNHH Dược phẩm Hiệp Thuận Thành	96.250.000	-
Công ty Cổ phần Dược An Hồng	90.769.003	90.769.003
Công ty TNHH Innovacare Việt Nam	95.592.000	95.592.000
Các khách hàng khác	209.121.710	127.235.506
Cộng	491.732.713	313.596.509

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	523.610.110	-	4.812.383.336	(4.863.325.376)	613.403.651	140.735.581
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	16.453.151.005	(16.453.151.005)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	143.043.963	(143.043.963)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.578.728.650	1.080.762	5.629.894.636	(4.668.241.898)	2.539.300.626	-
Thuế thu nhập cá nhân	2.198.592.176	-	4.795.629.931	(5.588.854.796)	1.405.367.311	-
Thuế nhà đất	449.280.000	-	23.599.375	(472.879.375)	-	-
Tiền thuê đất	-	-	402.095.398	(402.095.398)	-	-
Các khoản phải nộp khác	-	-	135.987.126	(135.987.126)	-	-
Cộng	4.750.210.936	1.080.762	32.395.784.770	(32.727.578.937)	4.558.071.588	140.735.581

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thuốc chữa bệnh, vật tư y tế: 5%
- Dịch vụ và hàng hóa khác: 10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh tại từng công ty trong Tập đoàn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	4.184.205.999	4.048.397.823
Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang	1.343.455.212	632.589.399
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	102.233.425	-
Cộng	5.629.894.636	4.680.987.222

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất và thuế nhà đất

Tiền thuê đất và thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

19. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả người lao động.

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí khuyến mãi, quảng cáo	-	2.063.486.222
Chi phí lãi vay phải trả	18.563.313	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	174.075.410
Cộng	18.563.313	2.237.561.632

21. Phải trả khác**21a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	19.500.000	5.258.848.000
Thành viên Ban điều hành - cổ tức phải trả	19.500.000	87.163.200
Thành viên Hội đồng quản trị - cổ tức phải trả	-	1.760.765.600
Các cá nhân có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị - cổ tức phải trả	-	3.410.919.200
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	4.389.824.211	5.754.153.198
Tài sản thừa chờ giải quyết	43.325.179	43.325.176
Kinh phí công đoàn	210.083.933	98.355.845
Bảo hiểm xã hội	124.616.372	128.640.137
Cổ tức phải trả	429.061.950	4.969.071.550
Phải trả tiền giải phóng mặt bằng	238.221.000	238.221.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.344.515.777	276.539.490
Cộng	4.409.324.211	11.013.001.198

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**21b. Phải trả dài hạn khác**

Nhận ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

21c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

22. Vay**22a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	314.679.461.132	215.865.420.390
Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre ⁽ⁱ⁾	229.302.557.339	215.865.420.390
Vay Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Bến Tre ⁽ⁱⁱ⁾	52.368.417.424	-
Vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Long An ⁽ⁱⁱⁱ⁾	19.989.249.950	-
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Yên Bái ^(iv)	13.019.236.419	-
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	187.436.637	5.314.436.637
Vay Hội Bảo trợ bệnh nhân nghèo, người tàn tật và trẻ em mồ côi tỉnh Bến Tre ^(v)	-	1.000.000.000
Vay các cá nhân ^(v)	187.436.637	4.314.436.637
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.22b)	2.639.640.000	-
Cộng	317.506.537.769	221.179.857.027

⁽ⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh được phẩm với lãi suất theo thực tế tại thời điểm nhận nợ, thời hạn vay không quá 7 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn như sau:

- Cầm cố trái phiếu tại Ngân hàng này (xem thuyết minh số V.2a);
- Thẻ chấp quyền thu nợ đối với các khoản phải thu khách hàng (xem thuyết minh số V.3);
- Cầm cố hàng hóa tồn kho là được phẩm các loại luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh với giá trị tối thiểu 90 tỷ VND (xem thuyết minh số V.8);
- Thẻ chấp một số nhà xưởng, máy móc, thiết bị, quyền sử dụng đất thuê tại thửa số 13, tờ bản đồ số 5, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre và quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Sơn – Chất dẻo (xem thuyết minh số V.9b và V.10).

⁽ⁱⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Bến Tre để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh được phẩm với lãi suất theo thực tế tại thời điểm nhận nợ và được điều chỉnh hàng tuần, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn như sau:

- Thẻ chấp quyền thu nợ đối với các khoản phải thu khách hàng (xem thuyết minh số V.3);
- Thẻ chấp một số quyền sử dụng đất thuê tại tỉnh Bến Tre (xem thuyết minh số V.9b);
- Thẻ chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của Công ty tại tỉnh Khánh Hòa (xem thuyết minh số V.10 và V.11).

⁽ⁱⁱⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Long An để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh được phẩm với lãi suất theo thực tế tại thời điểm nhận nợ thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp và việc thế chấp quyền thu nợ đối với các khoản phải thu khách hàng (xem thuyết minh số V.3).

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

^(iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Yên Bái để bổ sung vốn lưu động với thời hạn vay 06 tháng, lãi suất là 7%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định là nhà xưởng, nhà văn phòng và máy móc thiết bị (xem thuyết minh số V.10).

^(v) Vay không có tài sản đảm bảo Hội Bảo trợ bệnh nhân nghèo, người tàn tật và trẻ em mồ côi tỉnh Bến Tre, cán bộ nhân viên và các cá nhân khác để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh được phẩm với lãi suất của ngân hàng thương mại công bố tại thời điểm nhận nợ, thời hạn vay 6 tháng.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số tiền vay				
	Số đầu năm	phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	215.865.420.390	685.615.559.641	-	(586.801.518.899)	314.679.461.132
Vay ngắn hạn tổ chức và các cá nhân	5.314.436.637	-	-	(5.127.000.000)	187.436.637
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	2.639.640.000	-	2.639.640.000
Cộng	221.179.857.027	685.615.559.641	2.639.640.000	(591.928.518.899)	317.506.537.769

22b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre ⁽ⁱ⁾	1.233.000.000	-
Vay Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Bến Tre ⁽ⁱⁱ⁾	7.588.647.000	-
Cộng	8.821.647.000	-

⁽ⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre theo các Hợp đồng sau:

- Hợp đồng vay số 14911.018/2019/HĐCVDADT/NHCT78005-BEPHARCO ngày 31 tháng 10 năm 2019 để mua sắm xe ô tô Toyota Innova mang biển kiểm soát 71A-072.38 với lãi suất theo thực tế tại thời điểm nhận nợ và được điều chỉnh hàng tháng, thời hạn vay 36 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 30 tháng 11 năm 2019.

- Hợp đồng vay số 024454.025/2019/HĐCVDADT/NHCT78005-BEPHARCO ngày 18 tháng 11 năm 2019 để mua sắm xe đông lạnh hiệu Hino FG9JT7A-G với lãi suất 8,9%/năm trong thời hạn 24 tháng kể từ thời điểm giải ngân và được điều chỉnh hàng tháng sau khi kết thúc thời gian ưu đãi, thời hạn vay 36 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 18 tháng 12 năm 2019.

Các khoản vay này được bảo đảm bằng việc thế chấp các tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.10)

⁽ⁱⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Bến Tre để bù đắp chi phí thanh toán tiền thuê đất đối với 15 thửa đất tại tỉnh Bến Tre với lãi suất 8%/năm tính đến ngày 11 tháng 11 năm 2020 và được điều chỉnh hàng quý, thời hạn vay 60 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 11 năm 2019. Khoản vay này được được bảo đảm bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của Công ty tại TP. Đà Nẵng (xem các thuyết minh số V.9b và V.10).

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	2.639.640.000	-
Trên 1 năm đến 5 năm	8.821.647.000	-
Cộng	11.461.287.000	-

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn các ngân hàng trong năm như sau:

Số đầu năm	-
Số tiền vay phát sinh	11.860.227.000
Số tiền vay đã trả	(398.940.000)
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(2.639.640.000)
Số cuối năm	8.821.647.000

22c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chi tiết phát sinh quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

Số đầu năm	3.942.494.347
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	1.220.136.219
Chi quỹ	(4.462.979.950)
Số cuối năm	699.650.616

24. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến chi phí cải tạo, sửa chữa kho và văn phòng tại Chi nhánh Hồ Chí Minh. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	280.344.917
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	317.177.952
Số cuối năm	597.522.869

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20%.

25. Vốn chủ sở hữu**25a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

25b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bà Đậu Thị Thúy Mai	20.157.340.000	23.482.660.000
Bà Lê Thị Trúc Linh	10.250.000.000	10.250.000.000
Ông Lê Văn Minh	19.153.830.000	19.153.830.000
Ông Phạm Thứ Triệu	10.389.650.000	7.577.070.000
Các tổ chức và cá nhân khác	75.337.320.000	62.681.380.000
Cộng	135.288.140.000	123.144.940.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**25c. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.528.814	12.314.494
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.528.814	12.314.494
- Cổ phiếu phổ thông	13.528.814	12.314.494
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.528.814	12.314.494
- Cổ phiếu phổ thông	13.528.814	12.314.494
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

25d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 ngày 20 tháng 4 năm 2019 như sau:

	<u>VND</u>
• Chia cổ tức cho các cổ đông bằng tiền mặt (8% mệnh giá - đã thực hiện tạm chia trong năm 2018 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 31 tháng 10 năm 2018)	9.851.595.200
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	933.255.309

Ngoài ra, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 01/11.10/NQ – HDQT ngày 11 tháng 10 năm 2019 cũng đã thông qua tỷ lệ tạm chia cổ tức đợt 1 năm 2019 là 10% mệnh giá cổ phần.

Trong năm các công ty con cũng phân phối lợi nhuận như sau:

	<u>VND</u>
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 232/DPYB ngày 06 tháng 4 năm 2019	266.411.254
• Trích quỹ đầu tư phát triển tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 232/DPYB ngày 06 tháng 4 năm 2019	266.411.255
• Chi thù lao Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	144.000.000
• Chi nộp bổ sung chênh lệch giá bán của một số mặt hàng thuốc trúng thầu trong giai đoạn 2015 – 2017 theo Công văn số 325/SYT-NVD ngày 18 tháng 3 năm 2019 của Sở Y tế tỉnh Yên Bái	557.380.476
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi tại Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 số 32/NQ-ĐHĐCĐ.VXSP ngày 29 tháng 3 năm 2019	20.469.656
• Chia cổ tức cho các cổ đông tại Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang từ lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị Quyết Hội đồng quản trị số 62/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 7 năm 2019 với tỷ lệ là 2% mệnh giá cổ phần	1.710.300.000

26. Nguồn kinh phí

Kinh phí lập từ thuốc dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**27a. Tài sản thuê ngoài**

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng hợp tác kinh doanh không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	4.373.661.600	3.091.546.500
Trên 1 năm đến 5 năm	13.051.607.274	12.084.132.026
Trên 5 năm	10.113.815.708	13.169.233.769
Cộng	27.539.084.582	28.344.912.295

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên bao gồm:

- Các khoản thanh toán tiền hợp tác kinh doanh ở trên bao gồm tổng số tiền thuê văn phòng và kho tại quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh. Hợp đồng hợp tác kinh doanh được ký với thời hạn 10 năm và có thể được gia hạn thêm.
- Tổng số tiền thuê văn phòng tại tầng 8, tòa nhà Văn phòng Viwaseen, đường Tố Hữu, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội với giá thuê là 91.216.800 VND/tháng quy định tại Phụ lục hợp đồng số 04 ký ngày 11 tháng 5 năm 2019. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 36 tháng tính từ ngày 19 tháng 10 năm 2018.
- Tổng số tiền thuê các nhà kho chứa hàng hóa tại số 35, phố Cự Lộc, đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội với giá thuê được quy định cụ thể trong Hợp đồng số 19/2019/HĐ và Phụ lục Hợp đồng số 01/PL-19/2019/HĐ ký ngày 31 tháng 12 năm 2019. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 24 tháng tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.

27b. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	30.784,88	960,28
Euro (EUR)	201,85	201,77

27c. Nợ khó đòi đã xử lý

Khoản nợ phải thu Ông Huỳnh Lê Duy Việt – Kế toán trưởng Chi nhánh Đà Nẵng của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre với số tiền là 5.283.260.500 VND đã được xóa sổ do đương sự đang thụ án, không có khả năng trả nợ.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	703.024.897.599	728.182.621.012
Doanh thu bán thành phẩm	89.712.731.435	56.362.304.484
Doanh thu cung cấp dịch vụ	327.237.587	105.877.099
Doanh thu cho thuê mặt bằng	523.636.364	490.909.090
Cộng	793.588.502.985	785.141.711.685

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho bên liên quan

Ngoài giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	4.611.673.373	6.662.413.998
Hàng bán bị trả lại	2.665.595.125	2.070.731.516
Giảm giá hàng bán	28.769.874	110.615.296
Cộng	7.306.038.372	8.843.760.810

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	544.356.926.932	565.874.976.841
Giá vốn của thành phẩm đã bán	52.733.891.875	27.788.664.777
Giá trị hàng tồn kho bị hư hỏng, hết hạn, xuất hủy	250.668.908	222.207.955
Các khoản chi phí vượt mức bình thường khác được tính trực tiếp vào giá vốn	1.097.345.127	2.469.173.238
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	598.178.283	216.281.341
Cộng	599.037.011.125	596.571.304.152

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.562.445.009	2.540.234.368
Cổ tức, lợi nhuận được chia	29.700.000	27.000.000
Lãi trái phiếu	1.196.250.000	1.185.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.643.976.003	948.178.451
Chiết khấu thanh toán	442.175.166	632.453.433
Lãi thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác	243.790.000	837.019.264
Lãi hợp tác kinh doanh	789.244.444	-
Doanh thu tài chính khác	-	6.175.000
Cộng	8.907.580.622	6.176.060.516

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	15.183.926.131	13.210.319.145
Chiết khấu thanh toán cho người mua	1.048.483.577	820.397.880
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	317.541.590	4.974.809.232
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	365.540.309	160.016.275
Chi phí tài chính khác	54.105.967	131.000.000
Cộng	16.969.597.574	19.296.542.532

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	66.734.373.460	62.682.346.332
Chi phí vật liệu, bao bì	458.455.607	299.792.769
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.027.802.421	2.161.065.983
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.931.033.292	21.921.698.907
Các chi phí khác	13.275.874.614	10.669.139.227
Cộng	105.427.539.394	97.734.043.218

15/12/2019

C

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	33.659.186.461	32.510.438.101
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	1.383.680.729	509.764.855
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.994.410.828	1.635.940.834
Thuế, phí và lệ phí	516.789.857	640.680.183
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(431.719.254)	1.116.756.428
Lợi thế thương mại phân bổ	759.389.569	759.389.569
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.804.380.997	12.495.550.223
Các chi phí khác	6.099.179.816	6.933.611.908
Cộng	50.785.299.003	56.602.132.101

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	117.972.296	5.637.305.042
Hàng khuyến mãi	1.499.747.657	1.679.349.299
Thu từ thuê nhà, thuê kho, nhân công và bảo vệ	336.454.558	226.363.646
Nhận tài trợ từ nhà cung cấp	244.802.022	605.000.000
Thu nhập khác	365.317.671	697.429.468
Cộng	2.564.294.204	8.845.447.455

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Phạt do vi phạm hợp đồng	108.500.000	28.040.518
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	673.025.551
Chi phí khác	293.147.697	34.311.802
Cộng	401.647.697	735.377.871

10. Lãi trên cổ phiếu**10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	22.243.899.808	19.664.018.043
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính ⁽ⁱ⁾	(889.755.992)	(983.200.902)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	21.354.143.816	18.680.817.141
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	12.776.934	12.314.494
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.671	1.517

⁽ⁱ⁾ Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo tỷ lệ 4% lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 ngày 20 tháng 4 năm 2019 của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre.

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	43.661.541.799	37.209.841.522
Chi phí nhân công	114.452.659.984	108.156.036.525
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.095.146.120	13.750.437.119
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.922.748.413	36.410.010.176
Chi phí khác	21.327.674.539	20.846.952.623
Cộng	225.459.770.855	216.373.277.965

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Tài sản cho thuê hoạt động**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	540.000.000	523.636.364
Trên 1 năm đến 5 năm	180.000.000	720.000.000
Cộng	720.000.000	1.243.636.364

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Tạm ứng thù lao	-	1.500.000.000
Cổ tức được chia	2.702.215.000	2.485.640.600
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc		
Tạm ứng	500.000.000	413.000.000
Cổ tức được chia	97.379.000	199.031.700
Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt		
Cổ tức được chia	3.931.117.000	4.781.152.700

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cam kết bảo lãnh

Ông Vũ Quang Đông đã bảo lãnh cho khoản phải thu Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Thương mại Mundus Stones theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2019/HĐHTKD-MS ngày 12 tháng 3 năm 2019 với số nợ gốc là 10.000.000.000 VND (xem thuyết minh số V.5).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.6a và V.21a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	2.308.879.997	2.956.982.273
Phụ cấp	2.538.759.273	1.793.000.000
Tiền thưởng	2.454.823.555	1.594.750.000
Cộng	7.302.462.825	6.344.732.273

2b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Thương mại Mundus Stones	Công ty có liên quan đến thành viên Hội đồng quản trị

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch với Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Thương mại Mundus Stones như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuê mặt bằng	915.848.663	149.198.156
Phí lắp đặt nội thất văn phòng	67.803.320	-
Phí dịch vụ quản lý	129.800.466	-
Đặt cọc thuê mặt bằng	36.259.218	59.679.262
Góp vốn hợp tác kinh doanh nhận lãi cố định	10.000.000.000	-
Lãi hợp tác kinh doanh	789.244.444	-

Giá dịch vụ cung cấp cho bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua dịch vụ từ bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với bên liên quan khác

Công nợ với bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.6a, V.6b và V.16.

Các khoản công nợ phải thu bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào khác được lập cho các khoản nợ phải thu bên liên quan khác.

3. *Thông tin về bộ phận*

Tập đoàn hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh dược phẩm trong một khu vực địa lý là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tất cả sản phẩm do Tập đoàn sản xuất và thu mua đều được bán sỉ và bán lẻ cho các bệnh viện, trung tâm y tế, các tổ chức và cá nhân khác thông qua phòng kinh doanh, hệ thống chi nhánh, cửa hàng kinh doanh của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. *Quản lý rủi ro tài chính*

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

4a. *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn nhưng không giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.784.441.041	-	-	31.784.441.041
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	50.317.960.204	-	-	50.317.960.204
Phải thu khách hàng	101.410.504.448	31.215.666.197	910.484.654	133.536.655.299
Các khoản cho vay	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
Các khoản phải thu khác	11.322.968.860	-	-	11.322.968.860
Cộng	204.835.874.553	31.215.666.197	910.484.654	236.962.025.404
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.955.511.248	-	-	45.955.511.248
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	37.257.271.233	-	-	37.257.271.233
Phải thu khách hàng	108.995.776.526	44.572.587.323	1.342.203.908	154.910.567.757
Các khoản phải thu khác	16.769.184.820	-	-	16.769.184.820
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	66.710.000	-	-	66.710.000
Cộng	209.044.453.827	44.572.587.323	1.342.203.908	254.959.245.058

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết thời gian quá hạn của phải thu khách hàng đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quá hạn dưới 6 tháng	24.469.100.218	35.488.639.718
Quá hạn trên 6 tháng đến dưới 1 năm	4.332.796.140	2.754.555.948
Quá hạn trên 1 năm đến dưới 2 năm	557.502.981	5.263.851.202
Quá hạn trên 2 năm đến 3 năm	897.400.031	829.759.958
Quá hạn trên 3 năm	958.866.827	235.780.497
Cộng	31.215.666.197	44.572.587.323

4b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Số cuối năm			
Phải trả người bán	135.573.039.969	-	135.573.039.969
Vay và nợ	317.506.537.769	8.821.647.000	326.328.184.769
Các khoản phải trả khác	1.054.039.748	130.500.000	1.184.539.748
Cộng	454.133.617.486	8.952.147.000	463.085.764.486
Số đầu năm			
Phải trả người bán	130.527.338.039	-	130.527.338.039
Vay và nợ	221.179.857.027	-	221.179.857.027
Các khoản phải trả khác	12.907.414.316	93.000.000	13.000.414.316
Cộng	364.614.609.382	93.000.000	364.707.609.382

Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

4c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá và lãi suất sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn nhập khẩu dược phẩm phục vụ cho hoạt động kinh doanh với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và EUR do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tập đoàn không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.784,88	201,85	960,28	201,77
Phải trả người bán	-	(1.807.775,22)	(169.888,50)	(1.760.835,12)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	30.784,88	(1.807.573,37)	(168.928,22)	(1.760.633,35)

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến khoản đầu tư trái phiếu và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trái phiếu ngắn hạn	15.000.000.000	-
Vay và nợ	(52.837.417.424)	-
Nợ phải trả thuần	(37.837.417.424)	-

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4d. Tài sản đảm bảo***Tài sản thế chấp cho đơn vị khác*

Giá trị sổ sách của các tài sản tài chính thế chấp cho đơn vị khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	-	34.148.955
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	16.317.960.204	17.180.771.233
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	-	76.500.000
Tiền ký quỹ tại ngân hàng và các tổ chức khác	8.915.697.539	11.027.227.048
Khoản phải thu khách hàng	113.798.682.332	137.159.883.328
Cộng	139.032.340.075	165.478.530.564

Tập đoàn thế chấp các tài sản tài chính này để bảo đảm cho khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre, Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Bến Tre, Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Long An và chứng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng do các chi nhánh của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam phát hành.

Tập đoàn sẽ được giải chấp các tài sản cầm cố, thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính*Tài sản tài chính*

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.784.441.041	-	45.955.511.248	-	31.784.441.041	45.955.511.248
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	50.317.960.204	-	37.257.271.233	-	50.317.960.204	37.257.271.233
Phải thu khách hàng	133.536.655.299	(910.484.654)	154.910.567.757	(1.342.203.908)	132.626.170.645	153.568.363.849
Các khoản cho vay	10.000.000.000	-	-	-	10.000.000.000	-
Các khoản phải thu khác	11.322.968.860	-	16.769.184.820	-	11.322.968.860	16.769.184.820
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	66.710.000	-	-	66.710.000
Cộng	236.962.025.404	(910.484.654)	254.959.245.058	(1.342.203.908)	236.051.540.750	253.617.041.150

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Phải trả người bán	135.573.039.969	130.527.338.039	135.573.039.969
Vay và nợ	326.328.184.769	221.179.857.027	326.328.184.769	221.179.857.027
Các khoản phải trả khác	1.184.539.748	13.000.414.316	1.184.539.748	13.000.414.316
Cộng	463.085.764.486	364.707.609.382	463.085.764.486	364.707.609.382

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do ảnh hưởng của việc chiết khấu là không đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.




Nguyễn Thiện Nhân
Người lập



Nguyễn Thế Quốc Uy
Kế toán trưởng

Bến Tre, ngày 27 tháng 3 năm 2020



Phạm Thứ Triệu
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE


Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm trước	123.144.940.000	538.056.160	8.876.126.506	2.536.822.093	45.119.223.748	70.058.030.234	250.273.198.741
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	19.664.018.043	1.515.657.065	21.179.675.108
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	-	(1.709.104.755)	(167.769.484)	(1.876.874.239)
Chia cổ tức bằng tiền trong năm trước	-	-	-	-	(28.323.336.200)	-	(28.323.336.200)
Chỉ tiêu lao Hội đồng quản trị trong năm trước	-	-	-	-	(124.029.010)	(107.670.990)	(231.700.000)
Các khoản khác	-	-	-	-	(230.254.961)	(1.036.956.090)	(1.267.211.051)
Số dư cuối năm trước	123.144.940.000	538.056.160	8.876.126.506	2.536.822.093	34.396.516.865	70.261.290.735	239.753.752.359
Số dư đầu năm nay	123.144.940.000	538.056.160	8.876.126.506	2.536.822.093	34.396.516.865	70.261.290.735	239.753.752.359
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	12.143.200.000	(105.000.000)	-	-	-	-	12.038.200.000
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	22.243.899.808	3.395.684.053	25.639.583.861
Giảm phần vốn của cổ đông không kiểm soát do đầu tư thêm vào Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	-	-	-	-	(121.355.814)	(18.093.444.186)	(18.214.800.000)
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	(13.528.814.000)	(837.060.067)	(14.365.874.067)
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	218.856.846	-	(1.381.408.525)	(57.584.540)	(1.220.136.219)
Chỉ tiêu lao Hội đồng quản trị trong năm nay	-	-	-	-	(118.296.000)	(25.704.000)	(144.000.000)
Chi nộp theo Công văn số 325/SYT-NVD ngày 18 tháng 3 năm 2019 của Sở Y tế tỉnh Yên Bái	-	-	-	-	(457.888.061)	(99.492.415)	(557.380.476)
Các khoản khác	-	-	259.821.463	-	(5.323.347.113)	(51.671.370)	(5.115.197.020)
Số dư cuối năm nay	135.288.140.000	433.056.160	9.354.804.815	2.536.822.093	35.709.307.160	54.492.018.210	237.814.148.438


Nguyễn Thiện Nhân
 Người lập


Nguyễn Thế Quốc Uy
 Kế toán trưởng


 Bến Tre, ngày 27 tháng 3 năm 2020
Phạm Thử Triệu
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Trụ sở: số 6A3, Quốc lộ 60, P Phú Tân, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

VP điều hành: Số 11, Nguyễn Trọng Quyền, Q Tân Phú, TP HCM

Điện thoại: 028 3622 0205

Website: www.bepharco.com